

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**  
**SAO VANG RUBBER JOINT - STOCK COMPANY**



**SRC**<sup>®</sup>

*Thách thức mọi con đường*

**BÁO CÁO  
THƯỜNG  
NIÊN  
2025**





# MỤC LỤC

## Chương 01 PHÂN MỞ ĐẦU

- 1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 1.2. Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2021-2025
- 1.3. Tầm nhìn và Sứ mệnh

## Chương 02 GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 2.3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 2.4. Giới thiệu ban lãnh đạo
- 2.5. Định hướng phát triển
- 2.6. Rủi ro

## Chương 05 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- 5.1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 5.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

## Chương 06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 6.1. Hội đồng quản trị
- 6.2. Ban kiểm soát
- 6.3. Giao dịch và thù lao, thu nhập của HĐQT, BKS, BTGD
- 6.4. Tăng cường quản trị công ty

## Chương 03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

- 3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 3.2. Tổ chức và nhân sự
- 3.3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
- 3.4. Tình hình tài chính
- 3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

## Chương 04 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 4.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
- 4.2. Tình hình tài chính
- 4.3. Phương hướng phát triển năm 2026
- 4.4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
- 4.5. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

## Chương 07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 7.1. Giới thiệu báo cáo
- 7.2. Mục tiêu phát triển bền vững
- 7.3. Đánh giá của Ban Tổng giám đốc
- 7.4. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

## Chương 08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

|             |                                                |
|-------------|------------------------------------------------|
| Công ty/SRC | Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng                |
| UBCKNN      | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước                    |
| HOSE/HSX    | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| CTCP        | Công ty cổ phần                                |
| ĐHĐCĐ       | Đại hội đồng cổ đông                           |
| HĐQT        | Hội đồng quản trị                              |
| CTHĐQT      | Chủ tịch Hội đồng quản trị                     |
| BKS         | Ban Kiểm soát                                  |
| BTGD        | Ban Tổng giám đốc                              |
| TGD         | Tổng Giám đốc                                  |
| PTGD        | Phó Tổng Giám đốc                              |
| CBCNV       | Cán bộ công nhân viên                          |
| GSO         | Tổng cục thống kê Việt Nam                     |





# CHƯƠNG I PHẦN MỞ ĐẦU



- 1.1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 1.2. Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2021-2025
- 1.3. Tầm nhìn và sứ mệnh



# Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Khép lại năm 2025, ngành sản phẩm Việt Nam đã trải qua một giai đoạn đầy thách thức trước những biến động khó lường của kinh tế toàn cầu. Đặc biệt trong nửa đầu năm, áp lực từ chi phí nguyên liệu đầu vào leo thang cùng sự bất ổn của thị trường thế giới đã tác động trực tiếp đến biên lợi nhuận, khiến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành ghi nhận mức sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2024.

Một mặt, tình hình kinh tế – xã hội năm 2025 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, an sinh xã hội được duy trì là động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất công nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2025 ước tính tăng 8,02% đạt mục tiêu tăng trưởng Quốc hội đề ra. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Ngành sản xuất công nghiệp năm 2025 đạt nhiều kết quả khả quan với chỉ số IIP tăng 9,2% so với năm trước, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2019. Chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục phát triển và có tốc độ tăng cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng toàn ngành công nghiệp, trong đó, sản xuất xe có động cơ tăng 22,0%, sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 15,7%. Dù vậy, chi phí đầu vào leo thang, thị trường đầu ra cạnh tranh và áp lực

thường trực từ chính sách thuế đối ứng từ Mỹ cùng căng thẳng địa chính trị một số khu vực trên thế giới đã tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm trong nước... tiếp tục đặt ra bài toán cho ngành.

Trên thế giới, bức tranh kinh tế toàn cầu tiếp tục vận động trong trạng thái “phục hồi trong thách thức” khi các xung đột địa chính trị và biến động chính trị tại nhiều quốc gia lớn vẫn diễn biến phức tạp, gây áp lực trực tiếp lên chuỗi cung ứng và chi phí đầu vào cho lĩnh vực sản xuất. Trong năm 2025, các tổ chức quốc tế đồng loạt nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu: IMF (3,2%), EU (3,1%) và FR (2,5%) đều tăng từ 0,1-0,2 điểm %, trong khi OECD giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 ở mức 3,2%. Báo cáo của 1 số tổ chức quốc tế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) nhận định rằng thương mại toàn cầu năm 2025 tăng trưởng ổn định, chủ yếu được hỗ trợ bởi yếu tố tạm thời và bùng nổ nhu cầu liên quan đến công nghệ, tuy nhiên có xu hướng giảm dần khi các trở ngại về chính sách và chi phí cao hơn trong nửa cuối năm 2025. Trong khi đó, tổ chức IMF dự báo rủi ro kinh tế năm 2025 bao gồm 5 nhân tố chính: Chủ nghĩa bảo hộ và phân mảnh thương mại; rủi ro bong bóng AI; áp lực nợ công và bất ổn tài chính; thiếu hụt cung lao động; cùng các cú sốc địa chính trị và thiên tai. Những yếu tố này đe dọa làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gây áp lực lạm phát toàn cầu.

### Kính thưa quý cổ đông,

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025, Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty tiếp tục thể hiện tinh thần đoàn kết, phát huy các phẩm chất, năng lực và trí tuệ ở mức cao nhất, nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp thích ứng với biến động thị trường, quyết tâm thực hiện ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết tâm phát triển sản phẩm mới, tăng cường quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng ngành hàng, từng khu vực nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cho năm tài chính. Cụ thể, doanh thu tiêu thụ thực hiện đạt 1.490,3 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 74,5% kế hoạch. Tương tự, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức 32,3 tỷ đồng, đạt 32,3% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận con số 24,6 tỷ đồng, tương đương hoàn thành 31,5% mục tiêu đã đặt ra cho năm 2025.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã tích cực đóng góp, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong năm 2025. Công ty hy vọng tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ từ Quý vị không chỉ trong năm 2026 mà còn là sự đồng hành lâu dài trong suốt hành trình phát triển bền vững của công ty.

Do vậy, Ban Lãnh đạo công ty sẽ luôn giữ vị thế chủ động, bám sát tình hình kinh tế thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, sẵn sàng đối đầu với các khó khăn sắp tới. Ban lãnh đạo sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
**Phạm Hoàng Sơn**



# TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

| Các chỉ tiêu                                  | ĐVT     | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    | 2025    |
|-----------------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Kết quả hoạt động kinh doanh                  |         |         |         |         |         |         |
| Doanh thu thuần                               | Tỷ đồng | 955,7   | 915,3   | 1.197,8 | 1.027,8 | 1.455,8 |
| Lợi nhuận gộp                                 | Tỷ đồng | 175,7   | 162,3   | 165,3   | 146,1   | 143,9   |
| Lợi nhuận trước thuế                          | Tỷ đồng | 52,4    | 38,2    | 39,1    | 190,7   | 32,3    |
| Lợi nhuận sau thuế                            | Tỷ đồng | 40      | 27,7    | 29,4    | 151,6   | 24,6    |
| Bảng cân đối kế toán                          |         |         |         |         |         |         |
| Tổng tài sản                                  | Tỷ đồng | 1.235,4 | 1.245,0 | 1.346,8 | 1.208,9 | 1.341,4 |
| Vốn chủ sở hữu                                | Tỷ đồng | 432,6   | 439,3   | 443,3   | 575,1   | 567,4   |
| Nợ phải trả                                   | Tỷ đồng | 802,8   | 805,7   | 903,5   | 633,9   | 774,0   |
| Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu                |         |         |         |         |         |         |
| Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA)   | %       | 3,03    | 2,23    | 2,27    | 11,86   | 1,93    |
| Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) | %       | 9,29    | 6,35    | 6,66    | 29,77   | 4,31    |

## DOANH THU THUẦN

1.455,8 tỷ đồng 

41,6%

## LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

32,3 tỷ đồng 

83,0%

## TỔNG TÀI SẢN

1.341,4 tỷ đồng 

11,0%

## LỢI NHUẬN SAU THUẾ

24,6 tỷ đồng 

83,8%

## LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

877 đồng/CP

## VỐN CHỦ SỞ HỮU

567,4 tỷ đồng 

1,3%





## TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

- Khẳng định vị trí là nhà sản xuất sảm lốp hàng đầu Việt Nam.
- Không ngừng phát triển để trở thành thương hiệu nổi tiếng thế giới.

### SỨ MỆNH

- Sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất - an toàn.
- Tiên phong trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành sản xuất sảm lốp Việt Nam.
- Luôn tôn trọng lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

### TẦM NHÌN

- Sản phẩm chất lượng cao, giá trị bền vững
- Sản phẩm đa dạng
- Sản phẩm hướng tới khách hàng

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI





## CHƯƠNG II GIỚI THIỆU CÔNG TY



- 2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 2.3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 2.4. Giới thiệu ban lãnh đạo
- 2.5. Định hướng phát triển
- 2.6. Rủi ro



# THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Việt Nam là một nước nằm trong vùng nhiệt đới, có vùng đất đỏ ở Tây Nguyên rộng lớn nên rất thuận lợi cho việc trồng cây cao su để khai thác mủ và chế biến thành cao su thiên nhiên. Do tầm quan trọng của công nghiệp cao su trong nền kinh tế quốc dân nên ngay sau khi miền Bắc giải phóng (tháng 10/1954) ngày 7/10/1956 xưởng đắp và sấm lốp ôtô được thành lập tại số 2 Đặng Thái Thân và bắt đầu hoạt động vào tháng 11/1956 đến đầu năm 1960 thì sát nhập vào Nhà máy cao su Sao Vàng - tiền thân của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sau này.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chuyên sản xuất các loại sấm lốp: Máy bay, ôtô, xe đặc chủng, xe máy, xe đạp và các sản phẩm cao su kỹ thuật. Được ra đời sớm nhất ngành Công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng là trung tâm kỹ thuật trong các lĩnh vực:

- Thiết kế và phân tích kết cấu các sản phẩm cao su.
- Thiết lập các công thức pha chế và xây dựng các phương pháp gia công cao su.
- Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong khảo sát, phân tích và thí nghiệm, nhằm hoàn thiện công nghệ sản xuất.
- Thiết kế, thử nghiệm và chế tạo các phương tiện công nghệ, bao gồm các loại khuôn mẫu, dụng cụ, phụ tùng, máy và thiết bị trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm cao su.

|                                      |                                                                                                                     |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Tiếng Việt                       | CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG                                                                                     |
| Tên tiếng Anh                        | SAO VANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY                                                                                 |
| Địa chỉ trụ sở chính                 | Số 231, đường Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                           |
| Vốn điều lệ                          | 280.657.650.000 đồng                                                                                                |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu            | 280.657.650.000 đồng                                                                                                |
| Điện thoại                           | 0243 858 3656                                                                                                       |
| Fax                                  | 0243 858 3644                                                                                                       |
| Website                              | http://src.com.vn/                                                                                                  |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Số 0100100625 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/2006, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/07/2025 |
| Mã cổ phiếu                          | SRC                                                                                                                 |
| Sàn đăng ký giao dịch                | HOSE                                                                                                                |
| Logo công ty                         |                                  |





## CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1961

**1960**

Thành lập nhà máy Cao su Sao Vàng

**1992**

Nhà máy Cao su Sao Vàng chính thức đổi tên thành Công ty Cao su Sao Vàng

**2005**

Công ty Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp

**2006**

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với số vốn điều lệ 49.048.000.000 đồng

**2023**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn chính thức sở hữu trên 50% cổ phần tại SRC

**2020**

Tập đoàn hóa chất Việt Nam thoái thành công 15% cổ phần tại SRC, tỷ lệ nắm giữ còn 36%

**2016**

Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 8 với vốn điều lệ là 280.657.650.000 đồng

**2013**

Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 với vốn điều lệ là 182.249.940.000 đồng

**2009**

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

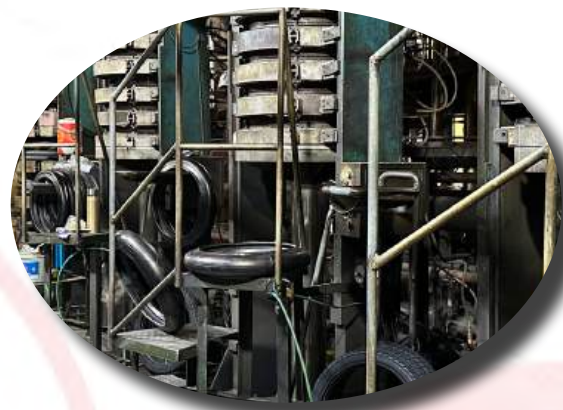
## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su, chế tạo máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và lốp các loại.

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:



Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su



Chế tạo, mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su



Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi



Lốp các loại (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay)



Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc, hoá chất phục vụ ngành sản xuất công nghiệp Cao su



Cao su kỹ thuật



Săm các loại (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay)



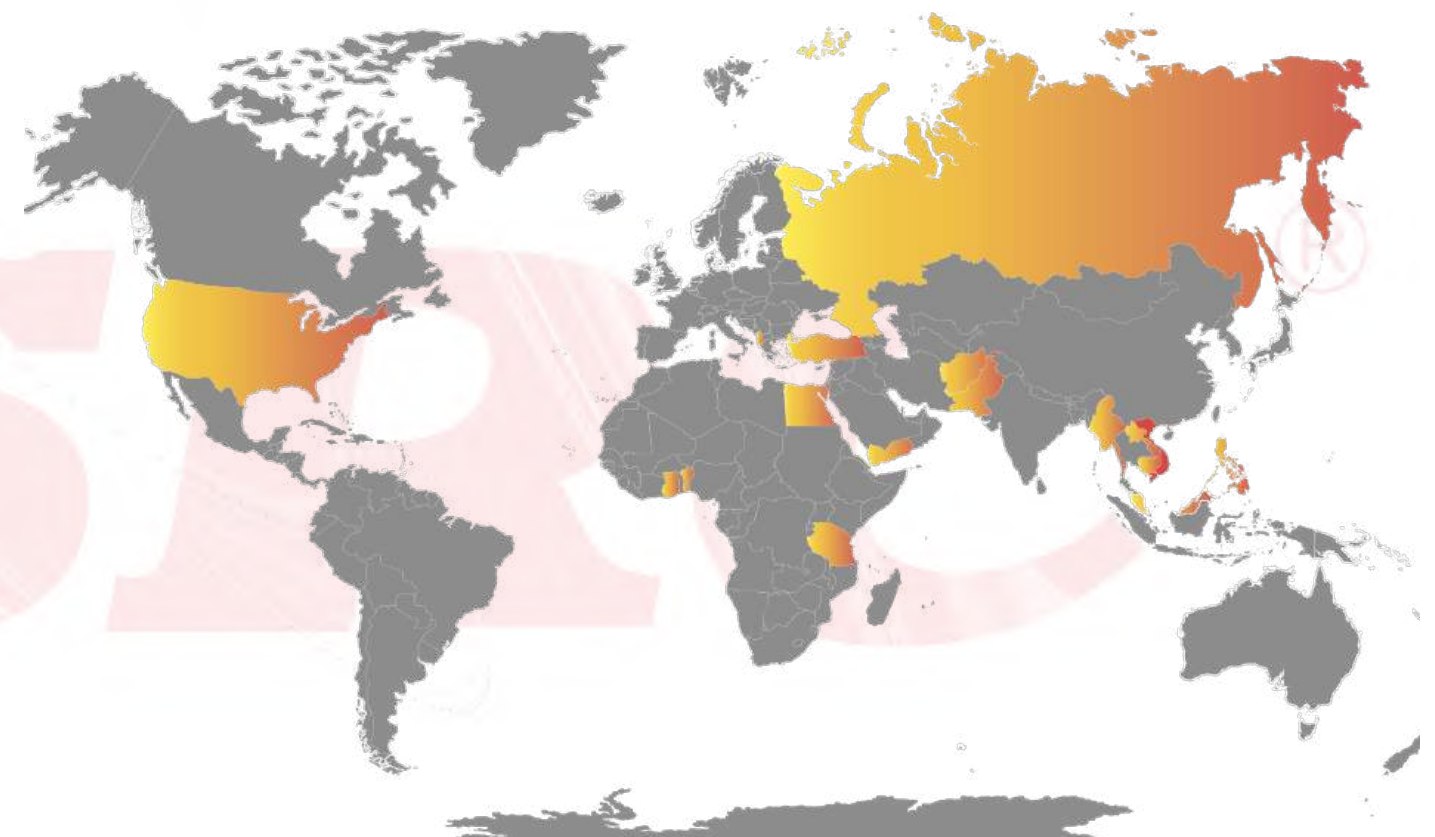
## ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Cùng với Trụ sở chính Hà Nội, Công ty hiện tại có 03 chi nhánh đặt tại Hưng Yên, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh cùng 03 cơ sở sản xuất (trong đó có 02 xí nghiệp cao su tại cơ sở Hà Nội, 01 xí nghiệp luyện cao su tại phường Xuân Hòa - tỉnh Phú Thọ và 01 xí nghiệp cao su tại chi nhánh Hưng Yên). Sản phẩm của SRC hiện có mặt tại 34 tỉnh thành và hơn 19 quốc gia trên Thế giới.



## THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng không chỉ xây dựng được vị thế là một trong ba doanh nghiệp sản xuất săm lốp hàng đầu tại Việt Nam mà còn từng bước tạo lập uy tín trên thị trường quốc tế. Sản phẩm của Công ty hiện đang được xuất khẩu đến 19 quốc gia. Trong đó, năm 2025 Công ty mở rộng thêm 02 thị trường mới là Cambodia, UAE. Dù vậy, thị trường đóng góp tỷ trọng lớn nhất là Afganistan với sản phẩm xuất khẩu chủ đạo là lốp xe đạp và Malaysia với sản phẩm chủ lực là lốp xe ô tô.



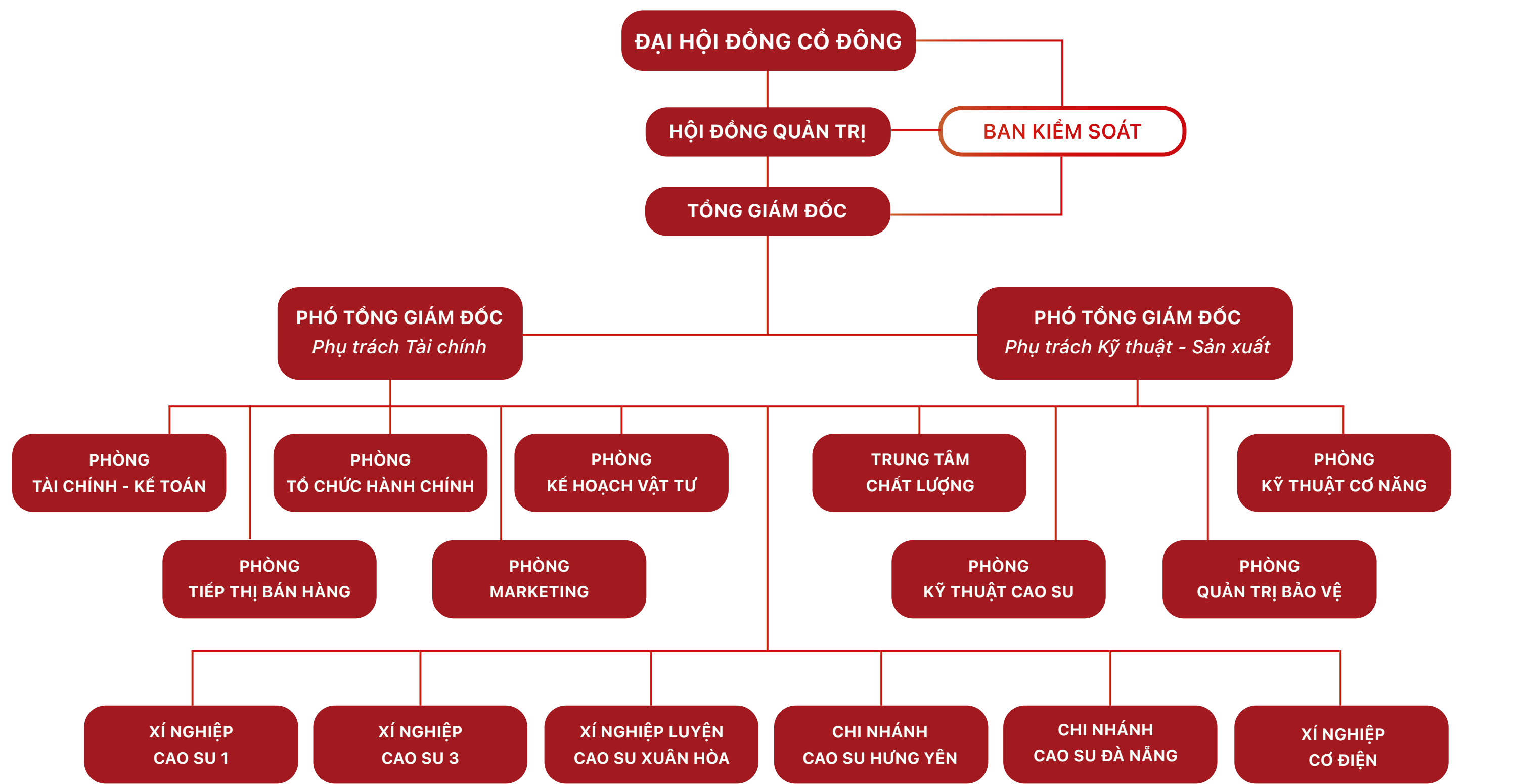


# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

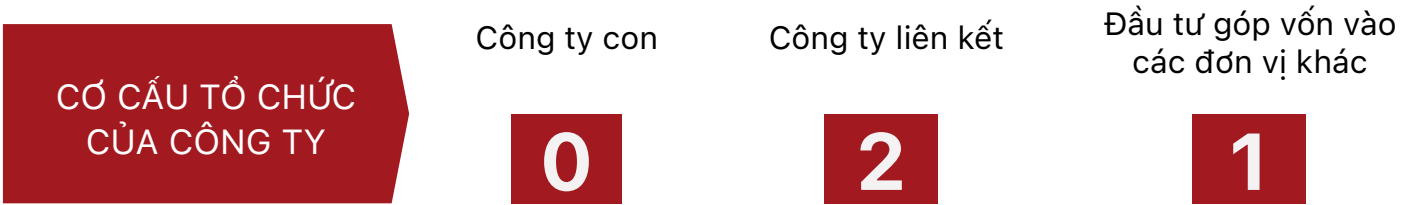
Hiện nay, SRC đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ





CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



Công ty liên kết

| STT | Công ty liên kết                   | Địa chỉ                                                                   | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính     | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu của SRC |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1   | Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn    | Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Khương Đình - Hà Nội.                   | Đầu tư, kinh doanh bất động sản        | 500                   | 26%                  |
| 2   | Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoành Sơn | Khối hành chính dịch vụ, KCN cảng biển Vũng Áng, phường Vũng Áng, Hà Tĩnh | Sản xuất sắt, thép, thép cuộn cán nóng | 1225                  | 30,6%                |

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| STT | Công ty                         | Địa chỉ                                                                                                                                                | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu của SRC |
|-----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1   | Công ty CP Philips Carbon Black | Khu công nghiệp Mỹ Xuân A (địa chỉ cũ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành), Phường Mỹ Xuân(Hết hiệu lực), TP Hồ Chí Minh, Việt Nam | Sản xuất muội than                 | 120,16                | 7%                   |



# GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### ÔNG PHẠM HOÀNH SƠN

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

Số cổ phần SRC nắm giữ:

0 cổ phần

### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sao Vàng - Hoàng Sơn



### ÔNG NGUYỄN VIỆT HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư điện, Kỹ sư tin học

Số cổ phần SRC nắm giữ:

12 cổ phần

### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



### ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần SRC nắm giữ:

7 cổ phần

### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có





### ÔNG NGUYỄN ĐÌNH SƠN

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần SRC nắm giữ:

0 cổ phần

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Phó Giám đốc - Công ty TNHH Tư vấn, thiết kế Phú Xuân



### ÔNG LƯƠNG XUÂN HOÀNG

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần SRC nắm giữ:

0 cổ phần

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có

## BAN KIỂM SOÁT



### ÔNG NGUYỄN TRUNG HÒA

Trưởng BKS

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần SRC nắm giữ:

0 cổ phần

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



### ÔNG HOÀNG VĂN HÒA

Thành viên BKS

Năm sinh: 1989

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Số cổ phần SRC nắm giữ:

0 cổ phần

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



### ÔNG NGUYỄN QUANG HUY

Thành viên BKS-Bổ nhiệm kể từ ngày 21/04/2025

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần SRC nắm giữ:

**0** cổ phần

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



### BÀ VŨ THỊ MAI NHUNG

Thành viên BKS-Miễn nhiệm kể từ ngày 21/04/2025

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần SRC nắm giữ:

**1** cổ phần

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chuyên viên Ban kế hoạch kinh doanh - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

- Thành viên Ban kiểm soát - CTCP PinẮc Quy miền Nam

## BAN ĐIỀU HÀNH



### ÔNG NGUYỄN VIỆT HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Đã giới thiệu tại mục HĐQT)



### ÔNG NGUYỄN QUANG HÀO

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa polyme

Số cổ phần SRC nắm giữ:

**8** cổ phần



### ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Đã giới thiệu tại mục HĐQT)

#### Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Định hướng phát triển dài hạn

- Khẳng định vị thế là nhà cung cấp lốp xe và các sản phẩm cao su kỹ thuật hàng đầu Việt Nam.
- Tăng cường xuất khẩu và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Nâng cao công nghệ sản xuất và mở rộng phân khúc sản phẩm.

## Định hướng phát triển trung hạn

- Định hướng về chiến lược sản phẩm: Khai thác triệt để các dòng sản phẩm đang có doanh thu tốt trên thị trường, ngoài ra tập trung đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm mới như: lốp ô tô radial, lốp xe không săm, lốp xe đặc chủng, xe tải cỡ lớn ...
- Định hướng phát triển thị trường: Giữ vững thị phần nội địa đối với các sản phẩm thế mạnh đồng thời nâng cao giá trị xuất khẩu thông qua mở rộng hợp tác tại các thị trường thế mạnh và tận dụng các hiệp định tự do thương mại (FTA)
- Định hướng về chất lượng: Tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.
- Định hướng về chiến lược kinh doanh: Tiếp tục gia tăng số lượng đại lý, nhà phân phối tại các tỉnh chưa có hoặc còn hạn chế. Đồng thời, thường xuyên đánh giá hiệu suất của từng đại lý, sàng lọc các đại lý yếu kém, thay thế bằng các đối tác có năng lực mạnh hơn.
- Định hướng về phát triển bền vững: Chú trọng thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh song song với các mục tiêu phát triển bền vững (ESG), đảm bảo hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm với môi trường, xã hội.
- Về chuyển đổi số: Đẩy mạnh số hóa hoạt động quản trị và kinh doanh thông qua việc triển khai các giải pháp công nghệ thông minh, ứng dụng các nền tảng tiện ích nhằm tối ưu hóa quy trình vận hành, quản lý và bán hàng.



## Các mục tiêu cụ thể năm 2025

- Mục tiêu sản xuất: Đảm bảo các chi nhánh, xí nghiệp sản xuất hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả; đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động R&D, phát triển sản phẩm săm lốp radial.
- Mục tiêu phát triển thị trường:
  - Thị trường nội địa: Giữ vững vị thế thương hiệu Cao su Sao Vàng là một thương hiệu quốc gia, là lựa chọn tin cậy của người tiêu dùng Việt. Duy trì, mở rộng hệ thống đại lý trên cả nước.
  - Thị trường xuất khẩu:
    - + Tăng cường quan hệ thương mại với các thị trường truyền thống, trong đó, tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần tại thị trường Châu Á như Afghanistan và Malaysia.
    - + Theo dõi, nghiên cứu và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết
- Lưu ý cho SRC:** (bao gồm các hiệp định EVFTA, CPTPP, RCEP) để gia tăng giá trị xuất khẩu.
- Mục tiêu doanh thu – lợi nhuận: Hoàn thành mục tiêu doanh thu 2.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 100 tỷ đồng .
- Mục tiêu tái cấu trúc: Thực hiện tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy quản lý các phòng ban và xí nghiệp thành viên theo hướng chuyên nghiệp hóa

- nhằm nâng cao hiệu suất vận hành; đồng thời tập trung nguồn lực triển khai kế hoạch di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 Nguyễn Trãi, Khương Đình, Hà Nội về Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa.
- Mục tiêu đầu tư và phát triển dự án trọng điểm: Đẩy mạnh tiến độ lắp đặt và vận hành dây chuyền sản xuất lốp xe máy không săm tại Xí nghiệp Xuân Hòa, quyết tâm hoàn thiện quy trình để chính thức đưa sản phẩm ra thị trường ngay trong năm 2026.
- Mục tiêu phát triển bền vững:
  - Đầu tư hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đồng thời tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn xanh theo quy chuẩn và xu hướng quốc tế.
  - Đảm bảo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động.
  - Chú trọng phát triển năng lực của đội ngũ quản lý, công nhân kỹ thuật cao và các bộ phận hỗ trợ nhằm xây dựng lực lượng kế cận có chuyên môn vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt.
  - Tiếp tục đóng góp vào sự phát triển kinh tế các địa phương có cơ sở sản xuất, đồng hành và chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng.



# RỦI RO

## 01 RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường, vận động trong trạng thái đan xen giữa phục hồi ngắn hạn và rủi ro dài hạn. Cạnh tranh chiến lược và xung đột leo thang đã tạo ra nhiều rủi ro cho các nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam. Khối ngành sản xuất phải đối mặt với hàng loạt thách thức hiện hữu: chủ nghĩa bảo hộ và phân mảnh thương mại, chi phí đầu vào tăng cao và áp lực cạnh tranh gay gắt cùng rủi ro bất ổn an ninh năng lượng. Trong nước, Chính phủ đặt ra mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, giữ lạm phát trong tầm kiểm soát. Nhờ vậy, Việt Nam vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng đáng tự hào với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2025 ước tính đạt 8,02%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra trong khi tiếp tục kiểm soát lạm phát ở mức phù hợp với chỉ số tăng trưởng CPI bình quân năm tăng ở mức 3,31%, thấp hơn mức lạm phát 3,63% của năm

## 02 RỦI RO TÀI CHÍNH

**Rủi ro tỷ giá:** Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (SRC) phải đối mặt với rủi ro tỷ giá hối đoái do có một phần doanh thu đến từ xuất khẩu sang các nước đồng thời hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài. Sự biến động của tỷ giá có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu, từ đó tác động đến giá vốn hàng bán và giá trị xuất khẩu, từ đó tác động lên doanh thu, lợi nhuận của công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, ban lãnh đạo Công ty thường xuyên theo dõi và giao các bộ phận liên quan như phòng Xuất khẩu và phòng Tài chính kế toán thực hiện tốt công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá điều chỉnh cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động. **Rủi ro lãi suất:** Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (SRC) phải đối mặt với rủi ro lãi suất do cơ cấu nợ vay trong

2024. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất – xuất khẩu trong năm cũng đạt nhiều thành tựu đáng kể, tạo tiền đề tăng trưởng cho năm kế tiếp. Bước sang năm 2026, ngành sản xuất nói chung và ngành sản xuất sản phẩm Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ tiếp tục đối diện với nhiều thách thức từ tình hình quốc tế trên nhiều phương diện cũng như những khó khăn từ vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam, đòi hỏi những biện pháp linh hoạt và chủ động từ Chính phủ để hỗ trợ các Doanh nghiệp. Để giảm thiểu các rủi ro từ bất ổn kinh tế, ban lãnh đạo Công ty phải thường xuyên cập nhật thông tin, nhanh chóng nắm bắt các diễn biến mới trên thị trường, từ đó đưa ra các quyết sách, định hướng kinh doanh và các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp.

hoạt động tài chính của mình. Sự biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, từ đó tác động đến lợi nhuận và dòng tiền của công ty. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của SRC đạt 1.341,4 tỷ đồng, trong khi nợ phải trả là xấp xỉ 774,0 tỷ đồng, gấp khoảng 1,36 lần vốn chủ sở hữu. Tổng các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty là 473,7 tỷ đồng, chiếm 35,3% tổng nguồn vốn của Công ty. Điều này cho thấy công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức đáng kể, do đó, biến động lãi suất có thể ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính. Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Kế toán trưởng và Phòng Tài chính – Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của lãi suất, xem xét các biện pháp như tái cơ cấu nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

## 03 RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 – 75% giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, giá thành các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài cao su tự nhiên được mua từ các đối tác trong nước với nguồn cung khá dồi dào thì hầu hết các nguyên liệu khác đều phải nhập khẩu nên chi phí nguyên vật liệu phụ thuộc rất lớn vào biến động giá nguyên vật liệu thế giới. Năm 2025, giá cao su duy trì ở mức cao và biến động theo xu hướng tăng nhẹ so với năm 2024 do nguồn cung toàn cầu tiếp tục thắt chặt. Điều này làm chi phí nguyên liệu đầu vào của ngành sản xuất sản phẩm tại Việt Nam tăng lên, gây áp lực lên biên lợi nhuận. Để đối phó với rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào biến động, SRC có dự trữ một lượng hàng tồn kho ổn định nhằm duy trì ổn định giá vốn hàng bán. Cùng với đó, công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý.

## 04

## RỦI RO CẠNH TRANH

### Thị trường trong nước:

Ngoài các doanh nghiệp nội địa như Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam (CSM) và CTCP Cao su Đà Nẵng (DRC), Công ty còn đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá bán rẻ tràn vào Việt Nam đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Công ty. Kể từ cuối năm 2024, các tập đoàn thế giới như Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam (trực thuộc thuộc Tập đoàn Kumho Tire tại Hàn Quốc), Tập đoàn HAOHUA (Trung Quốc), Công ty TNHH Sailun Việt Nam (Trung Quốc), Công ty TNHH Lốp Advance Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam nhằm xây dựng, nâng công suất sản xuất lốp xe càng làm gia tăng áp lực cạnh tranh trong nước. Sự đa dạng của dây sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sản phẩm, đặc biệt là phân khúc giá rẻ đã

đẩy các doanh nghiệp cạnh tranh về giá bán. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do sức cầu của thị trường vẫn còn yếu, trong khi xu hướng tiêu dùng chuyển sang các dòng sản phẩm yêu cầu hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao hơn như lốp Radial, lốp không săm, ... đặt sản phẩm SRC trong vòng cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất sản phẩm cùng loại và hàng nhập khẩu.

### Đối với thị trường xuất khẩu:

Đối với thị trường Châu Âu, hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) mà Việt Nam đã ký kết với ưu đãi giảm thuế nhập khẩu về 0% trong vòng 7 năm đối với phụ tùng ô tô, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản phẩm ô tô của Công ty tại thị trường này. Tuy nhiên, lốp xe nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, đây sẽ là Thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp muốn tìm kiếm cơ hội ở thị trường khó tính này.

## 05

## RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Bước sang năm 2025, khung pháp lý đối với công ty đại chúng có nhiều thay đổi quan trọng với việc ban hành và triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, cùng với Nghị định 245/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan đến chính sách thuế, chế độ kế toán và báo cáo tài chính. Những thay đổi này

tập trung vào việc nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp, tăng cường minh bạch thông tin, siết chặt trách nhiệm của người quản lý, đồng thời chuẩn hóa hệ thống kế toán theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế. Do đó, các công ty đại chúng cần chủ động rà soát điều lệ, quy chế nội bộ, hệ thống tài chính – kế toán và công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định mới, hạn chế rủi ro pháp lý và nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh môi trường pháp lý ngày càng chặt chẽ.

## 06

## RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững đi kèm với bảo vệ môi trường luôn là mối quan tâm được doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Các phế phẩm, khí thải, nước thải từ quá trình sản xuất sản phẩm luôn được doanh nghiệp quan tâm xử lý

đúng với quy định của nhà nước, sao cho ảnh hưởng đến môi trường xung quanh ở mức tối thiểu. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách tái chế, tái sử dụng một số các nguyên liệu đầu vào vừa bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm chi phí đầu vào.

## 07 RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG KHÁC

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản,

con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra.



# CHƯƠNG III TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025



- 3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 3.2. Tổ chức và nhân sự
- 3.3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
- 3.4. Tình hình tài chính
- 3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

| Kết quả kinh doanh                              | Năm 2024         | Năm 2025         | % Tăng trưởng |
|-------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>                          | <b>1.027.780</b> | <b>1.455.796</b> | <b>41,6%</b>  |
| Giá vốn hàng bán                                | 881.653          | 1.311.903        | 48,8%         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                            | <b>146.127</b>   | <b>143.893</b>   | <b>-1,5%</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 5.260            | 3.068            | -41,7%        |
| Chi phí tài chính                               | 24.274           | 25.627           | 5,6%          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                     | 15.350           | 20.545           | 33,8%         |
| Chi phí bán hàng                                | 35.471           | 30.612           | -13,7%        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 63.612           | 66.062           | 3,9%          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>28.030</b>    | <b>24.660</b>    | <b>-12,0%</b> |
| Lợi nhuận khác                                  | 162.635          | 7.666            | -95,3%        |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>        | <b>190.665</b>   | <b>32.326</b>    | <b>-83,0%</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>151.640</b>   | <b>24.619</b>    | <b>-83,8%</b> |

### Về cơ cấu doanh thu:

#### Doanh thu thuần

1.455,8  
tỷ đồng

41,6%

Doanh thu thuần năm 2025 đạt hơn 1.455,8 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm 2024. Trong đó, cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch đáng kể khi doanh thu trong nước tăng mạnh cả về giá trị và tỷ trọng đóng góp, đạt 1.354,2 tỷ đồng, chiếm trên 93,0% tổng doanh thu (tăng mạnh so với tỷ trọng tương ứng là 78,9% trong năm 2024). Ở chiều ngược lại doanh thu hàng xuất khẩu đạt 101,6 tỷ đồng, giảm mạnh 53,2% so với mức 216,9 tỷ đồng trong năm 2024. Kết quả này phản ánh

bức tranh thị trường năm 2025 khi nhu cầu sắm lốp trong nước phục hồi rõ nét nhờ tiêu thụ ô tô, xe máy tăng trở lại, hoạt động vận tải – logistics sôi động hơn và đầu tư hạ tầng giao thông tiếp tục được đẩy mạnh, qua đó kéo theo nhu cầu thay thế lốp tăng cao. Tính chung năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,2% so với năm trước – mức tăng cao nhất kể từ năm 2019, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%. Nhiều ngành quan trọng thuộc khu vực công nghiệp chế biến – chế tạo cũng tăng cao so với năm 2024, trong đó: Sản xuất xe có động cơ tăng 22,0%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 15,7%. Bên cạnh đó, xu hướng ưu tiên hàng sản xuất trong nước và lợi thế về mạng lưới phân phối giúp Công ty mở rộng thị phần nội địa. Dù kết quả kinh doanh tại thị trường nội địa có dấu hiệu tích cực, Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh khốc liệt bởi các sản phẩm sắm lốp trong và ngoài nước, xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial và lốp xe máy không sắm dần thay thế lốp có sắm. Trong khi đó, Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm lốp ô tô radial, các sản phẩm lốp chưa thực sự cạnh tranh, phong phú về chủng loại so với các đối thủ cùng ngành và sản lượng chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Ở chiều ngược lại, doanh thu từ hoạt động tài chính và các khoản lợi nhuận khác là những yếu tố có ảnh hưởng thu hẹp biên lợi nhuận ròng của Công ty, lần lượt đạt 3,1 tỷ đồng (so với mức 5,3 tỷ đồng trong năm 2024) và 7,7 tỷ đồng (giảm mạnh so với mức 162,6 tỷ đồng trong năm 2024) tổng cộng chiếm 0,7% tổng các nguồn thu, so với tỷ trọng tương ứng là 14,0% trong năm 2024. Nguyên nhân thu nhập khác giảm mạnh là do Công ty có khoản thu lớn đột biến từ chuyển nhượng quyền thuê lại đất với cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền với đất trong năm 2024, không phát sinh lại vào 2025.

### Về cơ cấu chi phí:

Giá vốn hàng bán và một số chỉ tiêu chi phí hoạt động quan trọng của doanh nghiệp ghi nhận diễn biến đáng chú ý như sau:

#### Giá vốn hàng bán

1.311,9  
tỷ đồng

48,8%

- Giá vốn hàng bán năm 2025 đạt 1.311,9 tỷ đồng, tăng 48,8% so với năm 2024 và tương ứng 90,1% doanh thu thuần (so với tỷ trọng 85,8% trong năm 2024).

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

66,1  
tỷ đồng

3,9%

- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 66,1 tỷ đồng, tăng 3,9% so với năm 2024, chiếm 4,5% doanh thu thuần (giảm so với tỷ trọng khoảng 6,2% trong năm 2024).

#### Chi phí bán hàng

30,6  
tỷ đồng

13,7%

- Chi phí bán hàng đạt 30,6 tỷ đồng, giảm 13,7% so với năm 2024 và chiếm xấp xỉ 2,1% doanh thu thuần (so với tỷ trọng khoảng 3,5% trong năm 2024).

#### Chi phí tài chính

25,6  
tỷ đồng

5,6%

- Chi phí tài chính đạt 25,6 tỷ đồng, tăng 5,6% so với năm 2024 và chiếm khoảng 1,8% doanh thu thuần (giảm nhẹ so với tỷ trọng khoảng 2,4% trong năm 2024).



Các chỉ tiêu về lợi nhuận

Lợi nhuận gộp

143,9  
tỷ đồng

1,5%



- Kết thúc năm 2025, Công ty ghi nhận 143,9 tỷ đồng lợi nhuận gộp, giảm 1,5% so với năm 2024. Mặc dù doanh thu thuần tăng mạnh 41,6%, giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn (ở mức 48,8%) đã làm biên lợi nhuận gộp thu hẹp đáng kể từ 14,2% năm 2024 xuống còn khoảng 9,9% năm 2025, phản ánh áp lực chi phí đầu vào gia tăng và hiệu quả sản xuất bị ảnh hưởng.

Lợi nhuận sau thuế

24,6  
tỷ đồng

83,8%



- Lợi nhuận sau thuế đạt 24,6 tỷ đồng, giảm 83,8% so với năm 2024. Biên lợi nhuận sau thuế tương ứng đạt khoảng 1,7% doanh thu thuần, thấp hơn đáng kể so với mức 14,8% của năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do biên lợi nhuận gộp giảm mạnh, đồng thời, năm 2024 Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận khác đột biến từ chuyển nhượng quyền thuê đất, trong khi năm 2025 không còn khoản thu nhập bất thường này.



KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị  | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | % Thực hiện 2025/ Kế hoạch 2025 |
|------------------------------|---------|---------------|----------------|---------------------------------|
| Doanh thu                    | Tỷ đồng | 2.000         | 1.490,3        | 74,5%                           |
| - Doanh thu SXCN             | Tỷ đồng | 970           | 769,3          | 79,3%                           |
| - Doanh thu thương mại, khác | Tỷ đồng | 1.030         | 686,5          | 66,7%                           |
| Lợi nhuận trước thuế         | Tỷ đồng | 100           | 32,3           | 32,3%                           |
| Lợi nhuận sau thuế           | Tỷ đồng | 78,8          | 24,6           | 31,5%                           |

Kết thúc năm 2025, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã nỗ lực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua, tuy nhiên kết quả thực hiện chưa đạt kỳ vọng đề ra. Cụ thể, doanh thu tiêu thụ của Công ty đạt 1.490,3 tỷ đồng, tương đương 74,5% kế hoạch năm 2025; trong đó, doanh thu sản xuất công nghiệp đạt 769,3 tỷ đồng, hoàn thành 79,3% kế hoạch, còn doanh thu thương mại và khác đạt 686,5 tỷ đồng, hoàn thành 66,7% kế hoạch đề ra.

Về lợi nhuận, lợi nhuận trước thuế đạt 32,3 tỷ đồng, tương đương 32,3% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 24,6 tỷ đồng, hoàn thành 31,5% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Kết quả này cho thấy Công ty vẫn duy trì được hoạt động ổn định, song chịu tác động đáng kể từ điều kiện thị trường và áp lực chi phí, dẫn đến mức độ hoàn thành kế hoạch còn ở mức thấp.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 715 người. Cụ thể như sau:

| STT       | Tiêu chí                                   | Năm 2024         |              | Năm 2025         |              |
|-----------|--------------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|           |                                            | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| I         | Theo trình độ lao động                     |                  |              |                  |              |
| 1         | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 151              | 20,27%       | 145              | 20,28%       |
| 2         | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 118              | 15,84%       | 126              | 17,62%       |
| 3         | Lao động phổ thông                         | 476              | 63,89%       | 444              | 62,10%       |
| II        | Theo đối tượng lao động                    |                  |              |                  |              |
| 1         | Lao động toàn thời gian                    | 745              | 100,00%      | 715              | 100,00%      |
| 2         | Lao động bán thời gian                     |                  |              |                  |              |
| III       | Theo giới tính                             |                  |              |                  |              |
| 1         | Nam                                        | 514              | 68,99%       | 490              | 68,53%       |
| 2         | Nữ                                         | 231              | 31,01%       | 225              | 31,47%       |
| Tổng cộng |                                            | 745              | 100%         | 715              | 100%         |

Năm 2025, số lượng lao động của Công ty giảm 30 người so với năm 2024, toàn bộ là lao động làm việc toàn thời gian, đưa tổng số lao động xuống còn 715 người. Cơ cấu trình độ chuyên môn tiếp tục được duy trì theo hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm khoảng 37,9% tổng số lao động (tăng nhẹ so với năm trước), cho thấy Công ty tiếp tục chú trọng phát triển đội ngũ có trình độ chuyên môn kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Về cơ cấu giới tính, tỷ lệ lao động nam chiếm 68,53% và lao động nữ chiếm 31,47% tổng số lao động, không có biến động đáng kể so với năm 2024, bảo đảm sự ổn định và phù hợp với định hướng bình đẳng giới trong chính sách nhân sự của Công ty.

## THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

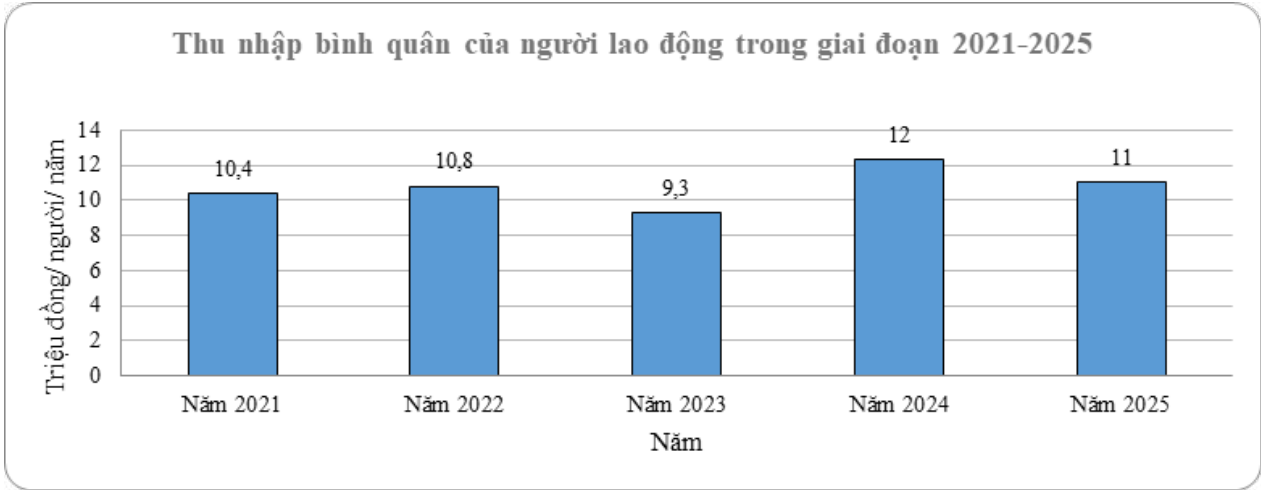
Trong năm 2025, không có sự thay đổi trong cơ cấu ban điều hành Công ty.

## TÓM TẮT CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về chính sách đối với người lao động, SRC luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.

### Chính sách tiền lương, thưởng

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.



### Chính sách về đào tạo

Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

### Chính sách bảo hiểm

Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước.

### Chính sách phúc lợi

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm, ...

### Chính sách chăm sóc sức khỏe

Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

### Các chế độ khác

CBCNV luôn được Công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất săm lốp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty CP Cao Su Sao Vàng đã góp 30,6% vốn tương đương 375.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoành Sơn – Chủ đầu tư của dự án xây dựng Nhà máy sản xuất săm lốp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh. Công ty vẫn đang trong quá trình lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản góp vốn trên là 1,6 tỷ đồng.

### Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không săm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa

Đã lập xong Báo cáo khả thi và được cấp Giấy phép xây dựng. Hiện Công ty đang làm các thủ tục để lựa chọn nhà thầu thi công dự án.



## HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty con: Không có
- Công ty liên kết:

Trong năm 2025, các công ty liên kết của Công ty là **Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn** và **Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoành Sơn** tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký. Hoạt động của các đơn vị cơ bản ổn định, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định và duy trì hoạt động kinh doanh phù hợp với điều kiện thị trường.

Công ty thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của các công ty liên kết, phối hợp trao đổi thông tin và hỗ trợ trong phạm vi có thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Nhìn chung, hoạt động của các công ty liên kết không phát sinh vấn đề trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu                                  | Đơn vị  | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng trưởng |
|-------------------------------------------|---------|----------|----------|---------------|
| Tổng tài sản                              | Tỷ đồng | 1.208,9  | 1.341,4  | 11,0%         |
| Doanh thu thuần                           | Tỷ đồng | 1.027,8  | 1.455,8  | 41,6%         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh         | Tỷ đồng | 28,0     | 24,7     | -12,0%        |
| Lợi nhuận khác                            | Tỷ đồng | 162,6    | 7,7      | -95,3%        |
| Lợi nhuận trước thuế                      | Tỷ đồng | 190,7    | 32,3     | -83,0%        |
| Lợi nhuận sau thuế                        | Tỷ đồng | 151,6    | 24,6     | -83,8%        |
| Lợi nhuận trả cổ tức (tiền mặt/ cổ phiếu) | Tỷ đồng | 16,8     | 16,8     | 0,0%          |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                | %       | 6        | 4        |               |

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ số tài chính                       | Đơn vị | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----------------------------------------|--------|----------|----------|
| <b>Nhóm chỉ số thanh khoản</b>         |        |          |          |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn           | Lần    | 1,14     | 1,25     |
| Khả năng thanh toán nhanh              | Lần    | 0,62     | 0,81     |
| Khả năng thanh toán bằng tiền          | Lần    | 0,06     | 0,05     |
| <b>Nhóm chỉ số cơ cấu vốn</b>          |        |          |          |
| Nợ/ Tổng tài sản                       | %      | 52,43    | 57,71    |
| Nợ/ Vốn chủ sở hữu                     | %      | 110,23   | 136,45   |
| Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản | %      | 21,32    | 35,31    |
| <b>Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động</b>  |        |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho bình quân       | Vòng   | 3,68     | 5,04     |
| Số ngày tồn kho bình quân              | Ngày   | 99,11    | 72,43    |
| Vòng quay khoản phải thu bình quân     | Vòng   | 3,39     | 4,10     |
| Số ngày phải thu bình quân             | Ngày   | 107,63   | 89,03    |
| Vòng quay khoản phải trả bình quân     | Vòng   | 7,29     | 10,92    |
| Số ngày phải trả bình quân             | Ngày   | 50,04    | 33,43    |
| Số ngày chuyển đổi tiền mặt            | Ngày   | 156,70   | 128,03   |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần    | 0,80     | 1,14     |
| <b>Nhóm chỉ số khả năng sinh lợi</b>   |        |          |          |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp                  | %      | 14,22    | 9,88     |
| Tỷ suất lợi nhuận hoạt động            | %      | 2,73     | 1,69     |
| Tỷ suất LNST                           | %      | 14,75    | 1,69     |
| ROAA                                   | %      | 11,87    | 1,93     |
| ROAE                                   | %      | 29,78    | 4,31     |

### Nhóm chỉ số thanh khoản

Tại thời điểm 31/12/2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty đạt 1,25 lần, tăng nhẹ so với chỉ số tương ứng tại thời điểm 31/12/2024 là 1,14 lần và vượt trên ngưỡng tiêu chuẩn là 1, cho thấy khả năng sử dụng các tài sản ngắn hạn để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của Công ty được đảm bảo. Tỷ số thanh toán nhanh đạt 0,81 lần, tăng

so với thời điểm cuối năm 2024 cho thấy khoảng 81% các khoản nợ ngắn hạn của Công ty có thể được thanh toán gần như ngay lập tức từ nguồn tài sản ngắn hạn mà không cần phải thanh lý hàng tồn kho. Hệ số thanh toán bằng tiền không có thay đổi lớn, giao động quanh ngưỡng 0,05-0,06 lần.

### Nhóm chỉ số cơ cấu vốn

Tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản và tỷ lệ Nợ/ Vốn chủ sở hữu của SRC lần lượt là 57,7% và 136,5%, đồng thời tăng so với thời điểm 31/12/2024. Chỉ tiêu Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2025 là 35,3%, tăng đáng kể so với tỷ suất tương ứng là 21,3% tại 31/12/2024, cho thấy hơn 1/3 giá trị tài sản của công ty hiện đang

được tài trợ bởi nợ vay có phát sinh lãi. Nhìn chung, trong năm 2025, việc gia tăng các tỷ suất nợ phản ánh việc Công ty đang đẩy mạnh sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, đòi hỏi công tác quản trị rủi ro thanh khoản cần được theo dõi sát sao hơn trong giai đoạn tới.

### Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động

Trong năm 2025, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của SRC có sự cải thiện đáng kể khi đạt 5,0 vòng, tương ứng với 72,4 ngày trong một kỳ luân chuyển, giảm mạnh khoảng 27 ngày so với năm 2024. Số vòng quay khoản phải thu bình quân của Công ty đạt 4,1 vòng, tương ứng với chu kỳ thu tiền khách hàng là 89,0 ngày, giảm hơn 18 ngày so với mức 107,6 ngày của năm trước. Điều này cho thấy quy trình quản lý nợ và thu hồi vốn từ khách hàng hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, số vòng quay các khoản phải trả của Công ty tăng lên 10,9 vòng. Theo đó, một kỳ phải trả bình quân rút ngắn xuống còn xấp xỉ 33,4 ngày, giảm khoảng 17 ngày so

với năm 2024. Kết quả của những thay đổi này là chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của SRC đã được rút ngắn xuống còn 128,0 ngày (so với 156,7 ngày của năm 2024), giúp tăng tốc độ lưu thông vốn lưu động cho doanh nghiệp.

Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, đạt 1,1 lần trong năm 2025, tăng mạnh so với mức 0,8 lần của năm 2024. Sự cải thiện này chứng tỏ Công ty đã tối ưu hóa tốt hơn năng suất của hệ thống dây chuyền máy móc và thiết bị, phản ánh sự phục hồi khả quan trong năng lực khai thác tài sản để tạo ra doanh thu.

### Nhóm chỉ số khả năng sinh lời

Trong năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp của SRC đạt 9,9%, sụt giảm đáng kể so với mức 14,2% của năm 2024 do những áp lực về giá vốn và doanh thu tiêu thụ chỉ đạt 74,5% kế hoạch. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận hoạt động cũng giảm xuống còn 1,7% (so với 2,7% năm trước) do quy mô doanh thu thuần không đủ lớn để tối ưu hóa các chi phí vận hành. Kết thúc năm, Công ty ghi nhận tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 1,7%, giảm mạnh so với mức 14,8% của năm 2024. Sự chênh lệch lớn này chủ yếu do năm 2024 Công ty có khoản lợi nhuận đột biến từ chuyển nhượng quyền thuê đất, trong khi năm 2025 Công ty không còn các khoản thu nhập đột

biến lớn như giai đoạn trước.

Các tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROAA) và vốn chủ sở hữu (ROEA) cũng chịu tác động tiêu cực, lần lượt giảm xuống còn 1,9% và 4,3%. Dù các chỉ số này thấp hơn so với nền tảng cao của năm 2024, nhưng số liệu cho thấy Công ty đang tập trung vào sự ổn định nội lực. Việc hoàn thành 31,5% kế hoạch lợi nhuận sau thuế trong một năm đầy thách thức chính là tiền đề để Ban điều hành rà soát lại cấu trúc chi phí và tối ưu hóa các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao hơn, hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững cho giai đoạn 2026.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU



## CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Trong năm 2025, không có sự thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn tại Công ty. Cụ thể như sau:

| STT | Cá nhân/ tổ chức              | Số đăng ký sở hữu | Ngày cấp   | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) | Ngày chốt danh sách sở hữu |
|-----|-------------------------------|-------------------|------------|---------------------------|------------------|----------------------------|
| 1   | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam    | 0100100061        | 19/11/2021 | 10.104.115                | 36,00            | 18/9/2024                  |
| 2   | Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn | 3000244065        | 11/5/2022  | 14.093.290                | 50,22            | 18/9/2024                  |

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của SRC chốt ngày 10/06/2025

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT                                   | SL Cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số lượng | Cơ cấu cổ đông (người) |         |
|---------------------------------------|-------------|---------|----------|------------------------|---------|
|                                       |             |         |          | Tổ chức                | Cá nhân |
| Tổng số lượng cổ phiếu                | 28.065.765  | 100%    | 1.771    | 29                     | 1.742   |
| Cổ đông nhà nước (*)                  | 10.104.115  | 36,00%  | 1        | 1                      | 0       |
| Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên) | 24.197.405  | 86,22%  | 2        | 2                      | 0       |
| - Trong nước                          | 24.197.405  | 86,22%  | 2        | 2                      | 0       |
| - Nước ngoài                          | 0           | 0       | 0        | 0                      | 0       |
| Cổ đông khác                          | 3.842.189   | 13,69%  | 1.767    | 25                     | 1.742   |
| - Trong nước                          | 3.820.232   | 13,61%  | 1.748    | 16                     | 1732    |
| - Nước ngoài                          | 21.957      | 0,08%   | 19       | 9                      | 10      |
| Công đoàn Công ty                     | 23.774      | 0,08%   | 1        | 1                      | 0       |
| Cổ phiếu quỹ                          | 2.397       | 0,01%   | 1        | 1                      | 0       |

(\*) Cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của SRC chốt ngày 10/06/2025

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty có giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%.

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

| Thời điểm | Vốn điều lệ     | Nội dung tăng vốn                                                                                                                                                                                  |
|-----------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 04/2006   | 49.049.000.000  | Cổ phần hóa công ty                                                                                                                                                                                |
| 10/2006   | 80.000.000.000  | Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 63%                                                                                                                                             |
| 02/2007   | 88.000.000.000  | Chia 5,48 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu (theo mức 12,3% cho 9 tháng hoạt động 2006)<br>Thưởng 2,52 tỷ đồng bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 32:1 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thuế TNDN được miễn năm 2006 |
| 06/2007   | 108.000.000.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 22,72%                                                                                                                                          |
| 2010      | 162.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu                                                                                                                                    |
| 2013      | 182.249.940.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức                                                                                                                                                                   |
| 2015      | 200.474.150.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức                                                                                                                                                                   |
| 2016      | 280.657.650.000 | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu                                                                                                                                     |

# CHƯƠNG IV BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- 4.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
- 4.2. Tình hình tài chính
- 4.3. Phương hướng phát triển năm 2026
- 4.4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
- 4.5. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Bước sang năm 2025, cục diện thế giới biến động nhanh chóng với nhiều diễn biến phức tạp, chưa có tiền lệ, tạo ra những tác động đan xen lên tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu. Tại thị trường trong nước, dù kinh tế giữ được đà phục hồi với những điểm sáng trong sản xuất công nghiệp và thu hút đầu tư, nhưng sức mua trong lĩnh vực phụ tùng và vật tư giao thông vận tải vẫn còn phân hóa mạnh, đặt ra nhiều bài toán hóc búa cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm.

Đối với Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, hoạt động sản xuất kinh doanh phải đối diện với một số thách thức trọng yếu sau:

**Áp lực cạnh tranh gia tăng:** Thị trường Việt Nam tiếp tục chịu áp lực lớn từ sự thâm nhập của các thương hiệu lốp xe nước ngoài với lợi thế về quy mô và giá thành, tạo nên cuộc cạnh tranh khốc liệt về thị phần sản phẩm truyền thống.

**Sự dịch chuyển công nghệ lốp Radial:** Xu hướng chuyển đổi từ lốp Bias sang lốp Radial của người tiêu dùng đang diễn ra mạnh mẽ. Đây là một rào cản kỹ thuật lớn khi danh mục sản phẩm hiện tại của Công ty chưa bao gồm dòng Radial, gây ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận phân khúc khách hàng hiện đại.

**Rào cản thương mại quốc tế:** Nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu có dấu hiệu suy giảm do kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Đồng thời, việc các nước gia tăng các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe và rào cản phi thuế quan mới đã gây khó khăn trực tiếp cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV, trong năm qua Công ty đã đạt được một số kết quả sau đây:

| Chỉ tiêu                                   | ĐVT     | KH năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % so với KH năm 2025 | % so với thực hiện năm 2024 |
|--------------------------------------------|---------|-------------|--------------------|----------------------|-----------------------------|
| I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)  | Tỷ đồng | 350         | 269,6              | 77,0                 | 94,5                        |
| II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế) | Tỷ đồng | 991,9       | 827,8              | 83,4                 | 102,0                       |
| III- Doanh thu tiêu thụ                    | Tỷ đồng | 2000        | 1490,2             | 53,1                 | 86,1                        |
| Trong đó: DT SXCN                          | Tỷ đồng | 970         | 803,7              | 82,8                 | 94,1                        |
| DT thương mại, DT khác                     | Tỷ đồng | 1030        | 686,5              | 66,6                 | 326,7                       |
| IV- Lợi nhuận trước thuế                   | Tỷ đồng | 100         | 32,3               | 32,3                 | 16,9                        |
| V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu               |         |             |                    |                      |                             |
| 1- Lốp xe đạp                              | Chiếc   | 4.400.000   | 3.758.219          | 85,4                 | 91,9                        |
| 2- Săm xe đạp                              | Chiếc   | 4.800.000   | 3.845.525          | 80,1                 | 92,2                        |
| 3- Lốp xe máy                              | Chiếc   | 1.600.000   | 1.243.166          | 77,7                 | 104,0                       |
| 4- Săm xe máy                              | Chiếc   | 5.600.000   | 3.997.961          | 71,3                 | 83,9                        |
| 5- Lốp ô tô                                | Chiếc   | 200.800     | 165.575            | 82,7                 | 93,8                        |
| 6- Săm ô tô                                | Chiếc   | 220.000     | 168.985            | 76,8                 | 107,0                       |
| 7- Yếm ô tô                                | Chiếc   | 120.000     | 78.150             | 65,1                 | 79,6                        |
| VI- Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu              |         |             |                    |                      |                             |
| 1- Lốp xe đạp                              | Chiếc   | 4.452.309   | 3.287.251          | 73,8                 | 79,4                        |
| 2- Săm xe đạp                              | Chiếc   | 4.910.229   | 3.722.191          | 75,8                 | 87,6                        |
| 3- Lốp xe máy                              | Chiếc   | 1.414.354   | 1.190.584          | 84,1                 | 96,4                        |
| 4- Săm xe máy                              | Chiếc   | 5.468.904   | 3.878.539          | 70,9                 | 80,4                        |
| 5- Lốp ô tô                                | Chiếc   | 210.809     | 170.305            | 80,7                 | 95,3                        |
| 6- Săm ô tô                                | Chiếc   | 213.101     | 157.551            | 73,9                 | 96,9                        |
| 7- Yếm ô tô                                | Chiếc   | 117.975     | 88.973             | 75,4                 | 103,5                       |





## ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025

### Công tác quản lý điều hành sản xuất

#### Các mặt đã làm được:

- Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong Công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm điều chỉnh giá thành sản phẩm phù hợp với thị trường, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức, bổ sung các quy định quy chế hiện có để kiểm soát việc mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Với những khó khăn trong công tác tiêu thụ, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và phần đầu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

#### Các mặt tồn tại trong công tác điều hành:

- Chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp (Độ mài mòn nhanh, ngoại quan sản phẩm chưa bắt mắt).

- Công tác nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường.



### Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.

- Tổ chức thực hiện triển khai công tác Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước và Công ty.

- Trong năm 2025, lao động toàn Công ty có 715 người tính đến ngày 31/12/2025.

- Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2025 của người lao động là: 11.04 triệu đồng/tháng.

### Công tác thị trường

- Theo kết quả tiêu thụ, doanh thu nội địa giảm 1,92% tương đương 13 tỷ, sản lốp xe đạp xe máy đa số giảm, còn sản lốp yếm ô tô đều tăng so với cùng kỳ.

- Doanh thu xuất khẩu năm 2025 giảm 24% so với năm 2024, đa số các ngành hàng đều giảm, chỉ duy nhất ngành hàng sản xe đạp tăng so với cùng kỳ.

- Từ kết quả trên dẫn đến doanh thu toàn Công ty giảm 6,64%, đa số các ngành hàng đều bị suy giảm so với năm 2024.

- Đánh giá tình hình thị trường lốp ô tô:

+ Trong năm 2025 tình hình thị trường tiêu thụ lốp ô tô tương đối khó khăn, lắp ráp gần như tê liệt, thị trường tiêu thụ tư nhận gặp khó do tình hình kinh tế khó khăn tuy nhiên bằng các giải pháp khác nhưng cũng như chất lượng sản phẩm lốp ô tô được cải thiện nên ngành hàng ô tô đều tăng về số lượng so với năm 2024 mặc dù doanh thu xuất cho Hoàn sơn tiếp tục suy giảm nhưng cơ bản không ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ lốp ô tô tại nội địa.

+ Sản yếm ô tô đa số đều tăng tuy nhiên số lượng tiêu thụ chưa tương xứng với nhu cầu thị trường do chất lượng sản ô tô còn nhiều lỗi dẫn đến không thể đẩy số lượng tiêu thụ lên.

+ Còn thị trường xuất khẩu lốp ô tô tiếp tục gặp khó khăn do giá bán không thể cạnh tranh được với DRC, Casumina đặc biệt là khi chuẩn hóa về bán hàng xuất khẩu thì nhiều khách hàng không đạt chuẩn phải dừng giao dịch nên ảnh hưởng lớn đến tình hình xuất khẩu hàng hàng ô tô.

- Đánh giá về thị trường xe đạp xe máy:

+ Thị trường xe đạp xe máy năm 2024 tăng trưởng tốt tuy nhiên sang năm 2025 thì lại suy giảm lớn, sự suy giảm diễn ra ở cả khu vực tư nhân và lắp ráp, nhu cầu thị trường suy giảm, đặc biệt ảnh hưởng nặng nề của thay đổi thuế và siết chặt quản lý hàng không hóa đơn đối với hộ kinh doanh dẫn đến tình trạng rất nhiều cửa hàng và đại lý cấp 2 bán cầm chừng, đóng cửa hàng loạt vì sợ truy thu thuế, sợ bị thu khi hàng phụ tùng đa số không có hóa đơn đầu vào...cộng thêm tình hình kinh tế khó khăn nên thu nhập người dân suy giảm dẫn đến tiêu thụ suy giảm, với tình hình đó ảnh hưởng quá lớn đến bán hàng và không thể có giải pháp tức thời để tăng tiêu thụ.

+ Thị trường xe máy thì điểm sáng trong năm 2025 là sản lốp xe máy không sản và xe điện không sản. Trong bối cảnh tiêu thụ khó khăn nhưng tình hình tiêu thụ sản lốp xe

máy nói chung cơ bản vẫn tốt, sản lốp xe máy không sản tăng 60%, sản lốp xe điện không sản tăng 205 so với cùng kỳ thì cơ bản những đầu tư của Công ty để phát triển tiêu thụ sản lốp không sản đã đạt được những kết quả tích cực và là hướng đi đúng theo xu thế trong tương lai.

+ Thị trường xe đạp nội địa suy giảm đó là nhu cầu suy giảm chứ cơ bản không phải chúng ta mất thị phần vào đối thủ khác do vậy điều này không quá đáng lo ngại, cơ bản chúng ta phần duy trì được các khách hàng lắp ráp, hệ thống tư nhân ngoài bắc còn sản lốp xe đạp tại Miền trung, miền nam thì vẫn quá ít so với nhu cầu thị trường mà Công ty chưa nâng được thị phần.

+ Thị trường sản xe máy thì đáng lo ngại mặc dù nhu cầu suy giảm nhưng còn một số khu vực chúng ta mất thị phần vào các thương hiệu sản xe máy giá rẻ hơn mà chất lượng không hề kém do vậy ảnh hưởng lớn đến suy giảm của Công ty.

+ Thị trường xe đạp xuất khẩu cũng gặp khó khăn do giá cao cộng thêm khi chuẩn hóa bán hàng thì nhiều khách hàng không đáp ứng được nên cũng dừng hợp tác nên sản lốp xe đạp xuất khẩu cũng suy giảm – giá thành hạch toán không tốt nên cơ bản không thể cạnh tranh được giá với đối thủ trong khi đó xuất khẩu thì đa số phụ thuộc vào giá và lượng khách hàng cũ nên hạn chế rất lớn trong tiêu thụ sản phẩm khi giá cao mà không tìm được các thị trường mới thay thế.





## Công tác tài chính

- Thực hiện và kiểm tra việc ghi chép số liệu kế toán đảm bảo tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty và các tổ chức, đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty trên các chứng từ, sổ sách kế toán vào các báo cáo tài chính.
- Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý...đảm bảo nguồn vốn của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.
- Chấp hành nghiêm chỉnh việc tính toán đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, chế độ của Nhà nước ban hành về các khoản thuế phải nộp ngân sách. Giải quyết đúng chính sách với người lao động.
- Kiểm tra giám sát việc thu chi tài chính, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và sự biến động tăng giảm của các loại tài sản, vật tư tiền vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc công ty. Phát hiện các vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính trong Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty. Báo cáo và đề xuất với lãnh đạo Công ty các biện pháp xử lý theo đúng quy định hiện hành.
- Lập báo cáo tài chính toàn Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của báo cáo tài chính, gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
- Cùng với phòng ban nghiệp vụ trong toàn Công ty tham gia tiến hành việc đối chiếu và thu hồi công nợ, phát huy đầy đủ tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.

## Công tác khoa học, kỹ thuật, chất lượng

Năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:

**- Khảo sát, điều chỉnh và ban hành** định mức nguyên vật liệu cho các sản phẩm cao su, tính toán thi công và định mức làm cơ sở chào giá các sản phẩm sắm lớp xuất khẩu, cao su kỹ thuật và lớp nông nghiệp, lớp không sẫm,...

**- Phối hợp** với các đơn vị sản xuất trong công ty xử lý và khắc phục kịp thời các biến động trong sản xuất, giám sát quá trình sản xuất giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi ra thị trường.

## Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.

## Công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và công tác môi trường

Trong năm 2025, công tác ATLĐ - VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua các đợt huấn luyện định kỳ, huấn luyện mới để phổ biến các chế độ chính sách của cơ quan nhà nước về công tác AT-VSLĐ cho người lao động. Chỉ ra cho người lao động các mối nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn trong dây chuyền sản xuất và các biện pháp để phòng tránh, nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra trong quá trình làm việc.
- Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.

- Xây dựng kế hoạch và tham gia cùng Hội đồng ATVSLĐ của Công ty tiến hành kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trong Công ty định kỳ 3 tháng/lần để đánh giá tình hình thực hiện các mặt của công tác ATVSLĐ, phát hiện những tồn tại, đề xuất các biện pháp khắc phục.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

| Chỉ tiêu                                     | Đơn vị  | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng trưởng |
|----------------------------------------------|---------|----------|----------|---------------|
| Tổng tài sản                                 | Tỷ đồng | 1.208,9  | 1.341,4  | 11,0%         |
| Tài sản ngắn hạn                             | Tỷ đồng | 549,1    | 775,2    | 41,2%         |
| - Tiền và tương đương tiền                   | Tỷ đồng | 29,7     | 31,7     | 6,7%          |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn                | Tỷ đồng | 235,2    | 465,5    | 97,9%         |
| Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | Tỷ đồng | 238,2    | 471,8    | 98,1%         |
| Trong đó: Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | Tỷ đồng | (9,6)    | (13,2)   | 37,1%         |
| - Hàng tồn kho                               | Tỷ đồng | 250,3    | 270,4    | 8,0%          |
| Trong đó: Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho     | Tỷ đồng | 1,0      | 0,8      | -16,8%        |
| - Tài sản ngắn hạn khác                      | Tỷ đồng | 33,9     | 7,6      | -77,5%        |
| Tài sản dài hạn                              | Tỷ đồng | 659,8    | 566,2    | -14,2%        |
| - Các khoản phải thu dài hạn                 | Tỷ đồng | 97,8     | 2,0      | -98,0%        |
| - Đầu tư tài chính dài hạn                   | Tỷ đồng | 508,5    | 509,6    | 0,2%          |

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.341,4 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng 11,0% so với cuối năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ sự mở rộng mạnh mẽ của nhóm tài sản ngắn hạn, trong khi tài sản dài hạn có xu hướng thu hẹp. Cụ thể:

Tài sản ngắn hạn đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính với giá trị đạt 775,2 tỷ đồng, tăng mạnh 41,2% so với cùng kỳ. Những biến động đáng chú ý trong nhóm này bao gồm:

- **Các khoản phải thu ngắn hạn:** Bất tăng 97,9%, đạt 465,5 tỷ đồng, chiếm 34,7% tổng tài sản của toàn Công ty. Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 471,8 tỷ đồng, tăng 98,1% so với thời điểm cuối năm 2024, chủ yếu phản ánh khoản phải thu với đối tác Công ty CP Thương mại và XNK Việt Nam (387,2 tỷ đồng). Việc này phản ánh sự mở rộng quy mô tín dụng thương mại nhưng cũng đi kèm với việc dự phòng phải thu khó đòi tăng thêm 37,1%.
- **Hàng tồn kho:** Duy trì ở mức 270,4 tỷ đồng, tăng 8,0% so với thời điểm cuối năm 2024. Điểm tích cực là dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã giảm 16,8%, cho thấy chất lượng hàng lưu kho được cải thiện.
- **Tiền và các khoản tương đương tiền:** Tăng trưởng ổn định ở mức 6,7%, đạt 31,7 tỷ đồng, giúp đảm bảo tính thanh khoản tức thời cho doanh nghiệp.

Ngược lại, tài sản dài hạn giảm 14,2% xuống còn 566,2 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do:

- **Các khoản phải thu dài hạn:** Chủ yếu hình thành từ các khoản Ký cược, ký quỹ, giảm mạnh 98,0% từ 97,8 tỷ đồng xuống còn 2,0 tỷ đồng.
- **Đầu tư tài chính dài hạn:** Duy trì ổn định ở mức 509,6 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,2% so với năm 2024.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

| Chỉ tiêu                            | Đơn vị  | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng trưởng |
|-------------------------------------|---------|----------|----------|---------------|
| Nợ phải trả                         | Tỷ đồng | 633,9    | 774,0    | 22,1%         |
| Nợ ngắn hạn                         | Tỷ đồng | 482,0    | 620,8    | 28,8%         |
| - Phải trả người bán ngắn hạn       | Tỷ đồng | 148,3    | 92,0     | -37,9%        |
| - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | Tỷ đồng | 255,7    | 471,0    | 84,2%         |
| Nợ dài hạn                          | Tỷ đồng | 151,9    | 153,2    | 0,9%          |
| - Phải trả dài hạn khác             | Tỷ đồng | 143,5    | 143,5    | 0,0%          |
| - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn  | Tỷ đồng | 2,1      | 2,7      | 26,4%         |

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng Nợ phải trả của Công ty đạt 774,0 tỷ đồng, tăng 22,1% so với cuối năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu tập trung ở nhóm nợ ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cấu trúc nợ (chiếm 80,2% tổng nợ phải trả) với giá trị 620,8 tỷ đồng, tăng 28,8% so với năm trước. Các biến động chính bao gồm:

- **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:** Tăng mạnh 84,2%, đạt 471,0 tỷ đồng. Đây là nguồn tài trợ chính cho sự gia tăng tài sản ngắn hạn (đặc biệt là các khoản phải thu) trong năm qua. Việc sử dụng đòn bẩy nợ vay ngắn hạn tăng cao cho thấy áp lực thanh toán lãi vay và gốc vay trong ngắn hạn của Công ty đang lớn dần.
- **Phải trả người bán ngắn hạn:** Giảm đáng kể 37,9%, xuống còn 92,0 tỷ đồng. Diễn biến này kết hợp với chỉ số vòng quay nợ phải trả tăng lên (10,92 vòng) cho thấy Công ty đang đẩy nhanh việc thanh toán cho nhà cung cấp, rút ngắn kỳ chiếm dụng vốn.

Trong khi đó, nợ dài hạn duy trì sự ổn định, chỉ tăng nhẹ 0,9% lên mức 153,2 tỷ đồng, ảnh hưởng chính bởi các khoản mục:

- **Phải trả dài hạn khác:** Giữ nguyên ở mức 143,5 tỷ đồng, không có biến động so với năm 2024.
- **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:** Tăng 26,4%, đạt 2,7 tỷ đồng, tuy nhiên giá trị tuyệt đối vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng cơ cấu nợ.





# PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026

## CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2026

| Chỉ tiêu                                   | ĐVT     | Kế hoạch năm 2026 | % so với thực hiện năm 2025 |  |
|--------------------------------------------|---------|-------------------|-----------------------------|--|
| I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)  | Tỷ đồng | 350               | 129,8                       |  |
| II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế) | Tỷ đồng | 1019              | 123,1                       |  |
| III- Doanh thu tiêu thụ                    |         | 2000              | 134,2                       |  |
| Trong đó: Doanh thu SXCN                   | Tỷ đồng | 970               | 120,7                       |  |
| Doanh thu DT thương mại, doanh thu DT khác |         | 1030              | 150,0                       |  |
| IV- Lợi nhuận trước thuế                   | Tỷ đồng | 100               | 309,6                       |  |

| Chỉ tiêu                     | ĐVT   | Kế hoạch năm 2026 | % so với thực hiện năm 2025 |       |
|------------------------------|-------|-------------------|-----------------------------|-------|
|                              |       |                   | SX                          | TT    |
| V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu | -     | -                 | -                           | -     |
| 1- Lớp xe đạp                | Chiếc | 4.300.000         | 114,4                       | 130,8 |
| 2- Săm xe đạp                | Chiếc | 5.000.000         | 130,0                       | 134,3 |
| 3- Lớp xe máy                | Chiếc | 1.600.000         | 128,7                       | 134,3 |
| 4- Săm xe máy                | Chiếc | 5.600.000         | 140,1                       | 144,3 |
| 5- Lớp ô tô                  | Chiếc | 200.000           | 120,8                       | 117,4 |
| 6- Săm ô tô                  | Chiếc | 220.000           | 130,2                       | 139,6 |
| 7- Yếm ô tô                  | Chiếc | 120.000           | 153,6                       | 134,9 |



## CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN

### Công tác quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.
- Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.
- Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.
- Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trọng quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Công tác bán hàng

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đối với từng ngành hàng, từng khu vực thị trường nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu đã đề ra theo từng tháng, quý và cả năm.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc. Tái cơ cấu hệ thống phân phối tại một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.
- Tiếp tục mở rộng thị trường lớp ô tô tại các khu vực chưa mở được đại lý, đặc biệt là thị trường Miền Nam : Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Đồng Nai, Bình Phước, Cà Mau, Vĩnh Long, Đồng Tháp.
- Có giải pháp hiệu quả để tuyển dụng thêm nhân viên kinh doanh nhằm khai thác tốt thị trường. Kien toan, nang cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc.
- Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, chủ động tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường thì mới tránh bị ép giá, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới.
- Kết hợp với phòng tài chính xây dựng giá bán cạnh tranh cho từng thị trường.
- Đẩy mạnh kênh tiếp thị online để hỗ trợ bán hàng vì đây được coi là chìa khóa để tăng doanh thu trong thời đại số hóa.

### Công tác tài chính

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng.
- Chuẩn bị Báo cáo tài chính năm, Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2026 và các báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông.
- Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý tài chính, tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm.

Công tác lao động tiền lương

- Thường xuyên rà soát và hoàn thiện công tác định biên, định mức lao động, tiền lương. Từ đó xây dựng mới hoặc điều chỉnh cho phù hợp chi phí tiền lương đối với từng đơn vị, từng sản phẩm trong Công ty.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năm 2025 đạt hiệu quả cao nhất. Kết
- hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động/ khám sức khỏe định kỳ, giải quyết các chế độ đúng quy định.

Công tác cơ điện, năng lượng

- Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Đánh giá nhận diện khắc phục ngay các điểm gây lãng phí năng lượng (điện, hơi nóng, khí nén), đặt mục tiêu giảm chi phí tiêu hao năng lượng năm sau so với năm trước khoảng 2%.

Công tác khoa học kỹ thuật và bảo đảm chất lượng

- Nghiên cứu cải thiện chất lượng lốp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lốp ô tô, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp, nghiên cứu các dòng lốp phục vụ nông nghiệp, nghiên cứu phát triển các dòng lốp không xăm phục vụ thị trường.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Hoàn thành việc lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm các thiết bị lẻ năm 2026 kịp thời phục vụ sản xuất tại Hà Nội, Hưng Yên, Xuân Hòa.

- Triển khai Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới
- Nghiên cứu và triển khai các bước chuẩn bị Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.

Công tác khác

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào lao động sáng tạo, tập hợp ý tưởng, cải tiến hợp lý hóa, áp dụng khoa học tiên tiến hiện đại vào sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí nhằm hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và động viên CBCNV tích cực lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ năm 2026.
- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Khen thưởng động viên kịp thời các bộ phận, cá nhân có thành tích cao trong lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 phiên bản 2015, xây dựng môi trường lao động sản xuất thực sự xanh - sạch - đẹp, văn minh hiện đại.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Toàn thể công ty nỗ lực thực hiện các chính sách về bảo vệ môi trường, với tiêu chí phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng xung quanh.

Công ty đã có những chính sách tái sử dụng nguyên vật liệu, đẩy mạnh công tác xử lý chất thải, nước thải từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Ngoài ra, công ty cũng tích cực tuyên truyền, vận động nhằm biến nhận thức bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng cán bộ công nhân viên, từng bước trong quy trình sản xuất.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thực hiện quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải hàng quý, kết quả quan trắc cho thấy công đang thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, kiểm soát chất lượng nước thải theo đúng quy định của pháp luật. Ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, công ty cũng tích cực đầu tư nghiên cứu làm mới sản phẩm theo hướng bảo vệ môi trường, có thể tái sử dụng.

Đánh giá liên quan đến người lao động và an toàn lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, SRC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt, đời sống trong doanh nghiệp phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Để đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kì hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Người lao động tại công ty được tham gia đủ các loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ phép hằng năm. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và Công ty.



# CHƯƠNG V

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



- 5.1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 5.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

| Chỉ tiêu                                     | ĐVT     | Nghị quyết<br>ĐHĐCĐ năm<br>2025 | Thực hiện<br>năm 2025 | So với NQ<br>năm 2025<br>(%) | % so với thực<br>hiện năm<br>2024 |
|----------------------------------------------|---------|---------------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| 1- Giá trị sản xuất CN<br>(theo giá CĐ 1994) | Tỷ đồng | 350                             | 269,6                 | 77,0                         | 94,5                              |
| 2- Giá trị sản xuất CN<br>(theo giá thực tế) | Tỷ đồng | 991,9                           | 827,8                 | 83,4                         | 102,0                             |
| 3- Doanh thu tiêu thụ                        |         | 2000                            | 1490,23               | 53,1                         | 86,1                              |
| Trong đó: DT SXCN                            | Tỷ đồng | 970                             | 803,7                 | 82,8                         | 94,1                              |
| DT thương mại, DT khác                       |         | 1030                            | 686,5                 | 66,6                         | 326,7                             |
| 4- Lợi nhuận trước thuế                      | Tỷ đồng | 100                             | 32,3                  | 32,3                         | 16,9                              |

Năm 2025 ghi nhận nỗ lực của Công ty trong việc duy trì sản xuất với giá trị sản lượng hoàn thành ở mức cao so với kế hoạch. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp của Công ty đều hoàn thành ở mức cao so với kế hoạch đặt ra đầu năm, ở mức 77,0% theo giá cố định 1994 và 83,4% theo giá thực tế. Tuy nhiên, các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

Cụ thể, doanh thu thuần đạt 1.490,3 tỷ đồng, dù tăng trưởng 40,1% so với năm 2024 nhưng vẫn cách xa mục tiêu 2.000 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 32,3 tỷ đồng, do mảng thương mại suy giảm và không còn nguồn thu bất thường như năm trước. Kết quả này phản ánh sự cộng hưởng của nhiều yếu tố bất lợi, trong đó phải kể đến việc chính sách thuế mới và việc siết chặt quản lý hóa đơn đối với hộ kinh doanh đã khiến hệ thống đại lý cấp 2 tạm ngừng hoạt động hoặc bán cầm chừng để tránh truy thu. Suy thoái kinh tế làm giảm thu nhập và sức mua của người dân, trong khi đặc thù hàng phụ tùng thiếu hóa đơn đầu vào khiến Công ty chưa thể có giải pháp thúc đẩy tiêu thụ tức thời.



## VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC

### Về công tác quản lý điều hành sản xuất

Trong năm 2025, Ban điều hành đã nhận thức rõ những tồn tại trong công tác quản trị, từ đó đề ra nhiều biện pháp khắc phục, tăng cường nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm và hợp lý hóa giá thành. Việc kiểm soát chi phí, quản lý mua sắm vật tư được thực hiện nghiêm ngặt, tăng cường tìm kiếm nhà cung cấp mới nhằm đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh. Tuy nhiên, chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp, và công tác R&D chưa đáp ứng yêu cầu thị trường.

### Về công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

Công ty luôn chú trọng đến việc đảm bảo thu nhập ổn định và tăng cường chế độ phúc lợi cho người lao động. Thu nhập bình quân đạt 11,04 triệu đồng/tháng, giảm 10,4% so với năm 2024, và chưa cao so với mặt bằng chung khu vực. Các chính sách lao động và an toàn lao động được thực hiện đầy đủ.

### Về công tác đầu tư và cơ điện

Công tác quản lý vật tư, linh kiện được giám sát chặt chẽ, đáp ứng nhu cầu bảo dưỡng thiết bị, giảm thiểu lãng phí.

### Về công tác tài chính

Công ty nỗ lực thực hiện quản lý tài chính một cách chặt chẽ, huy động vốn hợp lý, kiểm soát chi tiêu, và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế. Việc kiểm tra giám sát thu chi, thu hồi công nợ được đầu tư tăng cường.

### Về công tác khoa học kỹ thuật và chất lượng

Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D, nghiên cứu vật liệu mới, hợp lý hóa quy trình sản xuất, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Giám sát sản xuất nhằm giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi.

### Về công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và môi trường

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng cháy chữa cháy. Các đợt huấn luyện được tổ chức đều đặn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm an toàn trong sản xuất.

### Về công tác thị trường

Tổng doanh thu toàn Công ty năm 2025 ghi nhận mức giảm 6,64% so với năm 2024, với sự sụt giảm diễn ra ở hầu hết các ngành hàng. Cụ thể:

- Thị trường nội địa: Doanh thu giảm nhẹ 1,92% (tương đương 13 tỷ đồng). Trong khi nhóm săm lốp xe đạp và xe máy sụt giảm, nhóm sản phẩm săm lốp yếm ô tô lại ghi nhận mức tăng tích cực so với cùng kỳ.
- Thị trường xuất khẩu: Đối mặt với nhiều thách thức khi doanh thu giảm mạnh xấp xỉ 24,0%. Ngoại trừ ngành hàng săm xe đạp giữ được đà tăng trưởng, các ngành hàng còn lại đều có kết quả kinh doanh thấp hơn năm trước.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Những việc đã thực hiện



- Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng.
- Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh
- Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.
- Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành,

## Những hạn chế cần được khắc phục



- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động chưa cao.

- đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty.
- Với mục tiêu đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phần đầu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.
- Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, qui chế mua sắm vật tư đã ban hành.
- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.
- Công tác kỹ thuật chưa sâu sát, chưa quyết liệt khắc phục triệt để các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu thị trường.

# KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2025. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

| Chỉ tiêu                                  | ĐVT     | Kế hoạch năm 2026 |
|-------------------------------------------|---------|-------------------|
| 1- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994) | Tỷ đồng | 350               |
| 2- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế) | Tỷ đồng | 1019              |
| 3- Doanh thu tiêu thụ                     |         | 2000              |
| Doanh thu SXCN                            | Tỷ đồng | 970               |
| Doanh thu thương mại, doanh thu khác      |         | 1030              |
| 4- Lợi nhuận trước thuế                   | Tỷ đồng | 100               |
| 5- Mức cổ tức (không nhỏ hơn)             | %       | 06                |

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, Hội đồng quản trị cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

- Tăng cường công tác quản trị và giám sát: Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, minh bạch và hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất, chi phí và chất lượng: Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý sản xuất, kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm; đồng thời rà soát, điều chỉnh chính sách bán hàng và chính sách đối với đại lý, nhà phân phối phù hợp với tình hình thị trường.
- Phát triển sản phẩm và nâng cao chất lượng: Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có khả năng hấp thụ tốt nhu cầu thị trường và sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao (như lốp nông nghiệp, lốp xe máy và xe điện không xăm, lốp 1400-25); đồng thời tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm hiện có.
- Mở rộng thị trường và thúc đẩy tiêu thụ: Đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối trong nước, đặc biệt tại các khu vực tiềm năng; chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ.
- Ổn định sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh: Duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo nguồn cung các sản phẩm có nhu cầu cao, nâng cao uy tín thương hiệu và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động: Tổ chức sử dụng lao động hợp lý, áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất lao động trong điều kiện thiếu nhân lực; tăng cường tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chăm lo và phát triển nguồn nhân lực: Quan tâm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; xây dựng chính sách thu hút, giữ chân nhân sự có trình độ và tay nghề cao, từng bước nâng cao thu nhập cho CBCNV.

# CHƯƠNG VI QUẢN TRỊ CÔNG TY



6.1. Hội đồng quản trị

6.2. Ban kiểm soát

6.3. Giao dịch và thù lao, thu nhập của HĐQT, BKS, BTGD

6.4. Tăng cường quản trị công ty



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Họ và Tên         | Chức vụ                     | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------|
| 1   | Phạm Hoàng Sơn    | Chủ tịch HĐQT               | 0                        | 0%           |
| 2   | Nguyễn Việt Hùng  | Thành viên HĐQT, TGD        | 12                       | 0%           |
| 3   | Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên HĐQT, P.TGD, KTT | 7                        | 0%           |
| 4   | Nguyễn Đình Sơn   | Thành viên HĐQT độc lập     | 0                        | 0%           |
| 5   | Lương Xuân Hoàng  | Thành viên HĐQT độc lập     | 0                        | 0%           |

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2025: Không có

## CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Cho đến thời điểm 31/12/2025 Hội đồng quản trị đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

### Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

| STT | Thành viên        | Chức vụ         | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|-----------------|--------------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Phạm Hoàng Sơn    | Chủ tịch HĐQT   | 16/12/2019                                 | 7/7                 | 100%              |                         |
| 2   | Nguyễn Việt Hùng  | TV HĐQT, TGD    | 22/02/2022                                 | 7/7                 | 100%              |                         |
| 3   | Nguyễn Thanh Tùng | TV HĐQT, P.TGD  | 08/06/2020                                 | 7/7                 | 100%              |                         |
| 4   | Nguyễn Đình Sơn   | TV HĐQT độc lập | 26/04/2021                                 | 7/7                 | 100%              |                         |
| 5   | Lương Xuân Hoàng  | TV HĐQT độc lập | 26/04/2021                                 | 7/7                 | 100%              |                         |

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2025 như sau:

- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.
- Tổ chức các cuộc họp với nội dung bám sát các yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành. Ban hành các nghị

quyết, quyết định ngay sau khi Hội đồng quản trị thống nhất thông qua để Ban điều hành làm căn cứ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị tài liệu, công tác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|---------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1   | 05/NQ-HĐQT                | 13/01/2025 | - Thống nhất KHSXKD dự kiến năm 2025<br>- Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan<br>- Chấp thuận việc đề nghị UNBD tp.Phúc Yên gia hạn giấy phép xây dựng cho dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không xăm tại XNLXH”. | 100                 |
| 2   | 11/NQ-HĐQT                | 12/02/2025 | - Thông qua công tác bán hàng xuất khẩu.                                                                                                                                                                                                                                    | 100                 |
| 3   | 12A/QĐ-HĐQT               | 12/02/2025 | - Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật hạng mục: Đầu tư 02 máy nén khí trục vít cao áp 1.3MPa động cơ IE4 nam châm vĩnh cửu biển tần YMT 110KW (150HP).                                                                                                                       | 100                 |
| 4   | 13/NQ-HĐQT                | 14/02/2025 | - Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên công ty năm 2025.                                                                                                                                                                                                                     | 100                 |
| 5   | 17A/QĐ-HĐQT               | 14/02/2025 | - Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025.                                                                                                                                                                                                                       | 100                 |
| 6   | 31/QĐ-HĐQT                | 17/04/2025 | - Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Đầu tư 02 máy nén khí trục vít cao áp 1.3MPa động cơ IE4 nam châm vĩnh cửu biển tần YMT 110KW (150HP).                                                                                                                     | 100                 |
| 7   | 32/QĐ-HĐQT                | 17/04/2025 | - Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Đầu tư 01 máy thí nghiệm Rheometer.                                                                                                                                                                                        | 100                 |
| 8   | 61/NQ-HĐQT                | 21/04/2025 | - Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.                                                                                                                                                                                                                        | 100                 |
| 9   | 68/NQ-HĐQT                | 24/04/2025 | - Bổ nhiệm chức vụ P.TGD Công ty đối với ông Nguyễn Quang Hào.                                                                                                                                                                                                              | 100                 |
| 10  | 69/NQ-HĐQT                | 24/04/2025 | - Thành lập Xí nghiệp Cơ điện.                                                                                                                                                                                                                                              | 100                 |
| 11  | 82A/2025/NQ-HĐQT          | 08/05/2025 | - Chỉ định người đại diện hợp pháp của Công ty trong giao dịch với các tổ chức tín dụng.                                                                                                                                                                                    | 100                 |
| 12  | 84/NQ-HĐQT                | 16/05/2025 | - Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.                                                                                                                                                                                                                                       | 100                 |
| 13  | 88/NQ-HĐQT                | 19/05/2025 | - Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền.                                                                                                                                                                                                                                            | 100                 |
| 14  | DD-01/QĐ-HĐQT             | 12/06/2025 | - Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.                                                                                                                   | 100                 |
| 15  | DD-02/QĐ-HĐQT             | 20/06/2025 | - Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường . Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.                                                                   | 100                 |
| 16  | DD-03/QĐ-HĐQT             | 08/07/2025 | - Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội”.                                                                                                          | 100                 |
| 17  | DD-04/QĐ-HĐQT             | 17/7/2025  | - Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu “lập báo cáo nghiên cứu khả thi” thuộc dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội”.                                                                                        | 100                 |
| 18  | 110/QĐ-HĐQT               | 22/7/2025  | - Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty.                                                                                                                                                                                                                       | 100                 |
| 19  | 112/QĐ-HĐQT               | 22/7/2025  | - Bổ nhiệm thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty.                                                                                                                                                                                                                         | 100                 |

|    |               |            |                                                                                                                                                                                                                                  |     |
|----|---------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 20 | 117/NQ-HĐQT   | 01/8/2025  | - Thay đổi con dấu Công ty.                                                                                                                                                                                                      | 100 |
| 21 | 121/QĐ-HĐQT   | 11/8/2025  | - Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Xây lắp và mua sắm thiết bị” thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa”.                                                            | 100 |
| 22 | DD-05/QĐ-HĐQT | 12/8/2025  | - Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu “Giám sát khảo sát địa chất” thuộc dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội”.                                                 | 100 |
| 23 | DD-06/QĐ-HĐQT | 13/8/2025  | - Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu “Khảo sát địa chất công trình” thuộc dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội”.                                               | 100 |
| 24 | 124/QĐ-HĐQT   | 18/8/2025  | - Ban hành quy chế quản lý đầu tư, mua sắm vật tư, tài sản của Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng.                                                                                                                                  | 100 |
| 25 | 126/QĐ-HĐQT   | 28/8/2025  | - Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục “Đầu tư mới 01 máy ép đùn 2 thành phần 250(H)x200(C)”.                                                                                                                             | 100 |
| 26 | 129/QĐ-HĐQT   | 17/9/2025  | - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Đầu tư mới 01 máy ép đùn 2 thành phần 250(H)x200(C)”.                                                                                                                           | 100 |
| 27 | DD-07/QĐ-HĐQT | 26/9/2025  | - Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu “Lập hồ sơ xin giấy phép môi trường” thuộc dự án “Di dời nhà máy Cao su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội.                                          | 100 |
| 28 | 133/QĐ-HĐQT   | 02/10/2025 | - Phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu “Mua mới 01 máy ép đùn 2 thành phần 250(H)x200(C)”.                                                                                                                                           | 100 |
| 29 | 134/QĐ-HĐQT   | 20/10/2025 | - Điều động ông Nguyễn Việt Hùng – Tổng Giám đốc Công ty đi công tác tại Đài Loan.                                                                                                                                               | 100 |
| 30 | 139/NQ-HĐQT   | 30/10/2025 | - Thông qua kế hoạch thực hiện triển khai quy trình bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty                                                                                                                                           | 100 |
| 31 | 146A/QĐ-HĐQT  | 21/11/2025 | - Phê duyệt thanh lý các Tài sản cố định.                                                                                                                                                                                        | 100 |
| 32 | 147/QĐ-HĐQT   | 25/11/2025 | - Phê duyệt bản vẽ hiện trạng, dự toán phá dỡ các công trình nằm trong khu vực xây nhà mẫu”.                                                                                                                                     | 100 |
| 33 | 148/QĐ-HĐQT   | 26/11/2025 | - Thành lập Bên mời thầu dự án Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025..                                                                                                                                                                 | 100 |
| 34 | 149/QĐ-HĐQT   | 28/11/2025 | - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục “ Phá dỡ các công trình nằm trong khu vực xây nhà mẫu”.                                                                                                                          | 100 |
| 35 | 151/QĐ-HĐQT   | 05/12/2025 | - Phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu: “ Phá dỡ các công trình nằm trong khu vực xây nhà mẫu” thuộc dự án “Xây dựng tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội” | 100 |
| 36 | 154/NQ-HĐQT   | 12/12/2025 | - Chấp thuận bàn giao đất gồm Khu nhà xưởng Xí nghiệp 2 cũ (nay là kho lớp ô tô và kho sấm xe đạp) cho Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn.                                                                                        | 60  |
| 37 | 159/QĐ-HĐQT   | 19/12/2025 | - Phê duyệt điều chỉnh hạng mục lò hơi và trạm biến áp thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại XNLXH”                                                                                                      | 100 |
| 38 | 160/QĐ-HĐQT   | 20/12/2025 | - Phê duyệt thanh lý các Tài sản cố định                                                                                                                                                                                         | 100 |

**Đào tạo về Quản trị Công ty:** Trong năm vừa qua, Công ty đã cử Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty tham gia khóa đào tạo “Nâng cao nghiệp vụ Thư ký Công ty tại các công ty đại chúng trong bối cảnh nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Tính đến 31/12/2025, CTCP Cao su Sao Vàng có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Đình Sơn và ông Lương Xuân Hoàng. Trong năm 2025, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc đưa ra các ý kiến tham dựng và đóng góp đánh giá khách quan đối với hoạt động của Công ty, công tác quản trị rủi ro, công tác bảo vệ ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Công ty.

## BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

### Thông tin về thành viên Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB)

| STT | Thành viên BKTNB   | Chức vụ      | Ngày bắt đầu là TV. BKTNB | Ngày không còn là TV. BKTNB | Trình độ chuyên môn |
|-----|--------------------|--------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------|
| 1   | Lương Xuân Hoàng   | Trưởng BKTNB | 29/10/2021                |                             | Cử nhân kinh tế     |
| 2   | Nguyễn Việt Thắng  | TV BKTNB     | 21/07/2022                |                             | Cử nhân kinh tế     |
| 3   | Phạm Cao Vân       | TV BKTNB     | 29/10/2021                | 22/07/2025                  | Cử nhân TCNH        |
| 4   | Nguyễn Mạnh Trường | TV BKTNB     | 22/07/2025                |                             | Cử nhân QTKD        |

### Cuộc họp của Ban KTNB

| STT | Thành viên BKS     | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp(%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Lý do không tham dự họp       |
|-----|--------------------|---------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------|
| 1   | Lương Xuân Hoàng   | 3                   | 100                  | 100                  |                               |
| 2   | Nguyễn Việt Thắng  | 3                   | 100                  | 100                  |                               |
| 3   | Phạm Cao Vân       | 1                   | 33                   | 100                  | Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2025 |
| 4   | Nguyễn Mạnh Trường | 2                   | 66                   | 100                  | Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2025   |

### Hoạt động của Ban KTNB

Hoạt động giám sát của Ban KTNB đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Thực hiện theo quy định của Luật pháp và kế hoạch được HĐQT phê duyệt.

Hoạt động khác của Ban KTNB:

- Kiểm toán tình hình sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.
- Kiểm toán tình hình công nợ và tồn kho năm 2025.



# BAN KIỂM SOÁT

## THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát như sau:

| STT | Thành viên       | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-----|------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------|----------------------|
| 1   | Nguyễn Trung Hoà | Trưởng BKS | 25/04/2022                     |                                  | 0                         | 0,00%                |
| 2   | Vũ Thị Mai Nhung | TV BKS     | 27/04/2019                     | 21/04/2025                       | 01                        | 0,00%                |
| 3   | Hoàng Văn Hoà    | TV BKS     | 26/04/2021                     |                                  | 0                         | 0,00%                |
| 4   | Nguyễn Quang Huy | TV BKS     | 21/04/2025                     |                                  | 0                         | 0,00%                |

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Tình hình tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Ghi chú                |
|-----|------------------|------------|---------------------|-------------------|------------------|------------------------|
| 1   | Nguyễn Trung Hoà | Trưởng BKS | 5/5                 | 100%              | 100%             |                        |
| 2   | Vũ Thị Mai Nhung | TV BKS     | 2/5                 | 40%               | 100%             | Nghỉ hưu từ 21/04/2025 |
| 3   | Hoàng Văn Hoà    | TV BKS     | 5/5                 | 100%              | 100%             |                        |
| 4   | Nguyễn Quang Huy | TV BKS     | 3/5                 | 60%               | 100%             | Bổ nhiệm từ 21/04/2025 |

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát tình hình tài chính và báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.
- Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã và đang nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 và các quyết định của Hội đồng quản trị.
  - Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định.
- Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.



# GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO, THU NHẬP CỦA HĐQT, BKS, BTGD

## THÙ LAO, THU NHẬP CỦA HĐQT, BKS VÀ BTGD

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc nhận được tổng mức thù lao và thu nhập là: 3,12 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,7% so với năm 2024. Trong đó:

| Họ và Tên                      | Chức vụ                                        | Năm 2025 (VNĐ)       | Năm 2024 (VNĐ)       |
|--------------------------------|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Thù lao HĐQT và BKS</b>     |                                                | <b>360.000.000</b>   | <b>360.000.000</b>   |
| Phạm Hoành Sơn                 | Chủ tịch HĐQT                                  | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Nguyễn Việt Hùng               | Thành viên HĐQT                                | 48.000.000           | 48.000.000           |
| Nguyễn Thanh Tùng              | Thành viên HĐQT                                | 48.000.000           | 48.000.000           |
| Nguyễn Đình Sơn                | Thành viên HĐQT                                | 48.000.000           | 48.000.000           |
| Lương Xuân Hoàng               | Thành viên HĐQT                                | 48.000.000           | 48.000.000           |
| Nguyễn Trung Hòa               | Trưởng BKS                                     | 48.000.000           | 48.000.000           |
| Hoàng Văn Hòa                  | Thành viên BKS                                 | 30.000.000           | 30.000.000           |
| Vũ Thị Mai Nhung               | Thành viên BKS<br>(Miễn nhiệm ngày 21/04/2025) | 10.000.000           | 30.000.000           |
| Nguyễn Quang Huy               | Thành viên BKS<br>(Bổ nhiệm ngày 21/04/2025)   | 20.000.000           | -                    |
| <b>Thu nhập Ban TGD</b>        |                                                | <b>1.633.879.800</b> | <b>1.669.882.400</b> |
| Nguyễn Việt Hùng               | Tổng giám đốc                                  | 631.039.400          | 640.921.200          |
| Nguyễn Thanh Tùng              | Phó tổng giám đốc                              | 522.585.400          | 534.461.200          |
| Nguyễn Quang Hào               | Phó tổng giám đốc                              | 480.255.000          | 494.500.000          |
| <b>Thu nhập Kế toán trưởng</b> |                                                |                      |                      |
| Trần Minh Tuấn                 | Kế toán trưởng                                 | 475.315.000          | 479.780.000          |
| <b>Thu nhập Ban kiểm soát</b>  |                                                | <b>658.725.837</b>   | <b>596.896.324</b>   |
| Nguyễn Trung Hòa               | Trưởng BKS                                     | 384.572.860          | 321.839.315          |
| Hoàng Văn Hòa                  | Thành viên BKS                                 | 274.152.977          | 275.057.009          |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2025, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không phát sinh giao dịch cổ phiếu của Công ty.

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY HOẶC NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân                   | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp                                                       | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                         | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Cty CP Tập đoàn Hoành Sơn              | Công ty Mẹ                        | ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/05/2022 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp | TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh       | Năm 2025                        | Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025                              | Bán hàng: 198.101.328.073 VNĐ              |
| 2   | Cty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn          | Công ty liên kết                  | ĐKKD số 0107520273 ngày 07/12/2021 do Sở KHĐT Hà Nội cấp                              | 231 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội              | Năm 2025                        | Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025                              | Mua hàng: 1.432.274.400 VNĐ                |
| 3   | Cty CP Tập đoàn Hoành Sơn              | Công ty Mẹ                        | ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/05/2022 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp | TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh       | Năm 2025                        | Nghị quyết số: 88/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025                              | Trả cổ tức 8.455.974.000 VNĐ               |
| 4   | Công ty CP tư vấn ĐT và XD TM Việt Anh | Tổ chức có liên quan đến CT.HĐQT  | ĐKKD số 2901704534 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/10/2019 do sở KHĐT Nghệ An cấp  | Số 18, Đ. Nguyễn Trường Tộ, P. Lê Lợi, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An | Năm 2025                        | Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025                              | Mua hàng: 960.000.000 VNĐ                  |
| 5   | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam             | Cổ đông lớn                       | ĐKKD số 0100100061 cấp ngày 29/8/2014 do Sở KHĐT Hà Nội cấp                           | số 1A Tràng Tiền, Cửa Nam, TP Hà Nội                          | Năm 2025                        | Nghị quyết số: 88/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025                              | Trả cổ tức: 6.062.469.000 VNĐ              |



# TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết, gồm có:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 245/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thư ký Công ty thường xuyên cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán ban hành, kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị để có sự chuẩn bị phù hợp và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

Công ty đã xây dựng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo sát quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Trong năm 2025, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo hình thức trực tiếp. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Bên cạnh đó, Công ty tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin định kỳ và bất thường nhằm tạo điều kiện để cổ đông có điều kiện giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

## NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2025, Công ty tiếp tục tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên tham gia những chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị kết hợp với tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại. Cụ thể;

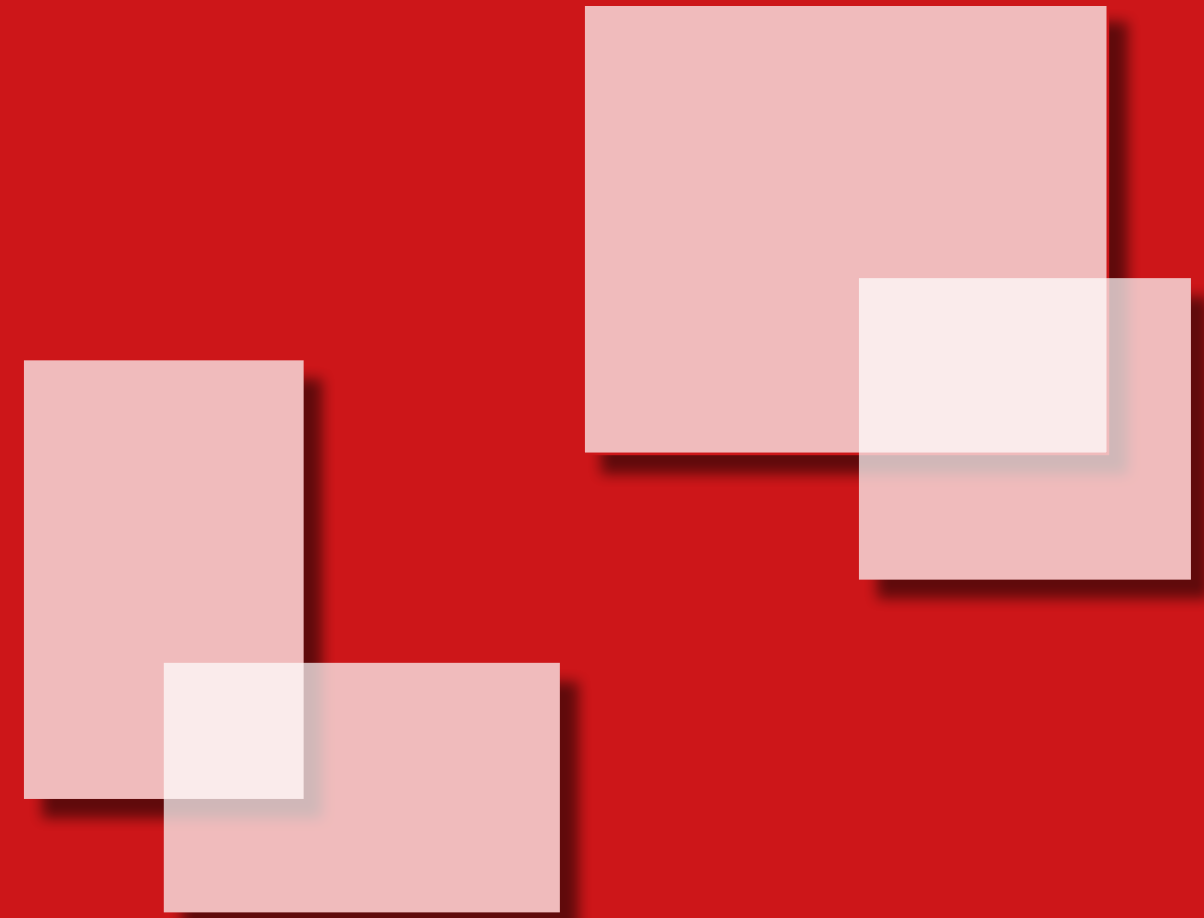
- Quản trị sản xuất: Công ty đang triển khai hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.....
- Quản trị quan hệ khách hàng: Phòng tiếp thị bán hàng giữ vai trò chăm sóc khách hàng, đảm bảo tối đa việc phản hồi nhanh và chính xác tới khách hàng.
- Quản trị quan hệ chất lượng: Trung tâm chất lượng giám sát các hoạt động và công đoạn sản xuất trong công ty để đảm bảo thành phẩm cuối đáp ứng các quy chuẩn trong nước và quốc tế áp dụng đối với ngành sản xuất xăm lốp, sản phẩm có giá trị cao, hoàn thành và được giao hàng đúng thời hạn.





# CHƯƠNG VII

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



7.1. Giới thiệu báo cáo

7.2. Mục tiêu phát triển bền vững

7.3. Đánh giá của Ban Tổng giám đốc

7.4. Các chỉ tiêu phát triển bền vững





## GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2025 của Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng được tích hợp chung trong Báo cáo thường niên 2025 nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung súc tích, ngắn gọn, tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

**Mục tiêu báo cáo:** Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm cung cấp cho nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan cái nhìn toàn diện về chiến lược tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của SRC dưới góc độ phát triển bền vững. Báo cáo này sẽ trình bày rõ ràng định hướng, chính sách của Công ty cũng như các tiêu chí liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

**Phạm vi báo cáo:** Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty và đơn vị thành viên trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2025, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bên cạnh việc phát triển doanh nghiệp và khẳng định vị thế trên thị trường, Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến an sinh xã hội, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên, đồng thời thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng. Nhận thức rõ tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường, Công ty CP Cao su Sao Vàng đã triển khai nhiều chính sách và biện pháp cụ thể nhằm hướng tới phát triển bền vững theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Các giải pháp này bao gồm chính sách bảo vệ môi trường, tối ưu hóa và tái sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, qua đó không chỉ giảm thiểu chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường hiệu quả.

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty hướng đến những nội dung sau:

- Nâng cao năng lực doanh nghiệp: Hướng đến tiêu chuẩn quốc tế trong mọi hoạt động.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp: Thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Chăm lo người lao động: Cải thiện điều kiện làm việc, quan tâm đến môi trường làm việc và nâng cao thu nhập cho nhân viên.
- Gia tăng giá trị cho khách hàng: Nghiên cứu, mở rộng danh mục sản phẩm, mang đến nhiều lựa chọn và lợi ích hơn cho khách hàng.
- Đóng góp cho cộng đồng: Cam kết trách nhiệm xã hội, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng và bảo vệ môi trường.



# ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn ý thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, đề cao trách nhiệm và yêu cầu toàn thể cán bộ, nhân viên tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan. Công ty cam kết giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, hạn chế ô nhiễm trong quá trình sản xuất. Mọi hoạt động quản trị, vận hành và kinh doanh đều tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, đảm bảo không phát sinh vi phạm hay phải chịu bất kỳ khoản phạt nào liên quan.

Ban lãnh đạo Công ty giao Phòng Tổ chức hành chính nhiệm vụ tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức và phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm đánh giá và giám sát các xí nghiệp sản xuất thuộc Công ty. Ngoài ra, phòng Tổ chức hành chính cũng đảm bảo thực hiện đầy đủ các công tác vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Các phòng ban khác có trách nhiệm triển khai các chính sách môi trường, chủ động phòng ngừa rủi ro, đề xuất sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm trong môi trường lao động, nâng cao nhận thức và thúc đẩy những hành vi tích cực trong công tác bảo vệ môi trường.



## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhận thức rõ rằng người lao động là tài sản quý giá nhất, Ban lãnh đạo Công ty luôn coi việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo môi trường làm việc an toàn và cải thiện thu nhập cho nhân viên không chỉ là trách nhiệm mà còn là mục tiêu phát triển bền vững. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách dành cho người lao động, đảm bảo quyền lợi và môi trường làm việc tốt nhất, đồng thời không phát sinh bất kỳ khiếu nại hay tranh chấp nào liên quan.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.



# CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 - 75% giá thành sản phẩm. Nhận thức được mức độ ảnh hưởng lớn đến môi trường từ các nguyên liệu nêu trên, Cao su Sao Vàng luôn có ý thức tận dụng và sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công ty đã chú trọng thực hiện việc kiểm soát nguồn nguyên liệu sử dụng năm 2025, theo dõi chặt chẽ hơn hoạt động thiết kế, định mức nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu khối lượng sử dụng các loại nguyên liệu. Ngoài ra, cao su, vải màn phế, lốp phế... cũng được Công ty tái sử dụng bằng cách xử lý cắt, nghiền để làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật tại bộ phận cao su kỹ thuật – XNCS3.

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đã kiểm tra, the dõi và đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị, tiến hành duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị mới tiết kiệm điện. Luôn có nhân sự thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động, phối hợp nhịp nhàng để đảm bảo máy móc hoạt động đúng công suất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức người lao động về sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện. Các biện pháp và chương trình tiết kiệm điện:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị, tiến hành duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị mới tiết kiệm điện.



- Phân công nhân sự thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động, phối hợp nhịp nhàng để đảm bảo máy móc hoạt động đúng công suất.

- Tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức người lao động về sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện.

**Ngoài ra, lượng hơi nóng tiêu thụ trong quá trình sản xuất là: 49.484 tấn vào năm 2025**

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

| Tiêu chí                  | Hà Nội                   | Chi nhánh Hưng Yên        | Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa |
|---------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------|
| Nhà cung cấp              | Công ty Điện lực Hà Đông | Công ty điện lực Hưng Yên | Công ty điện lực Phú Thọ        |
| Lượng điện tiêu thụ (KWh) | 7.507.796                | 4.667.282                 | 3.820.726                       |

## TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ tái chế:

| Tiêu chí                 | Hà Nội         | Chi nhánh Hưng Yên                  | Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa     |
|--------------------------|----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Nhà cung cấp             | Công ty VIWACO | Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình | Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc |
| Lượng nước tiêu thụ (m³) | 187.492        | 55.689                              | 6.850                               |

Trong năm 2025, Công ty đã xây dựng quy trình xử lý nước thải hợp lý:

- Nước thải sinh hoạt do cán bộ công nhân viên sử dụng hàng ngày thải ra và được xử lý bằng phương pháp vi sinh yếm khí.
- Nước thải công nghiệp: Công ty sử dụng nước để làm mát máy móc thiết bị, không tham gia vào công nghệ sản xuất. Toàn bộ nước làm mát được bơm tuần hoàn để tái sử dụng không thải ra môi trường (sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín nên hầu như không có nước thải công nghiệp ra ngoài môi trường).
- Nước thải sinh hoạt từ bếp ăn tập thể và các bể phốt được dẫn vào hệ thống thoát nước thải của cụm công nghiệp qua điểm đấu nối tại hố ga đã được đăng ký.

## XỬ LÝ KHÍ THẢI

Về công tác xử lý khí thải: Đối với lò hơi đốt trấu tại Hà Nội và Hưng Yên thì có hệ thống xử lý khí thải theo thiết kế của lò để đảm bảo chất lượng khí thải ra môi trường. Đối với cửa thoát khí tại Xuân Hòa và Hưng Yên có hệ thống lọc bụi bằng túi vải trước khi thải ra môi trường. Khí thải lò hơi và các cửa thoát khí trong các đợt quan trắc đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo quy định trước khi thải ra môi trường.

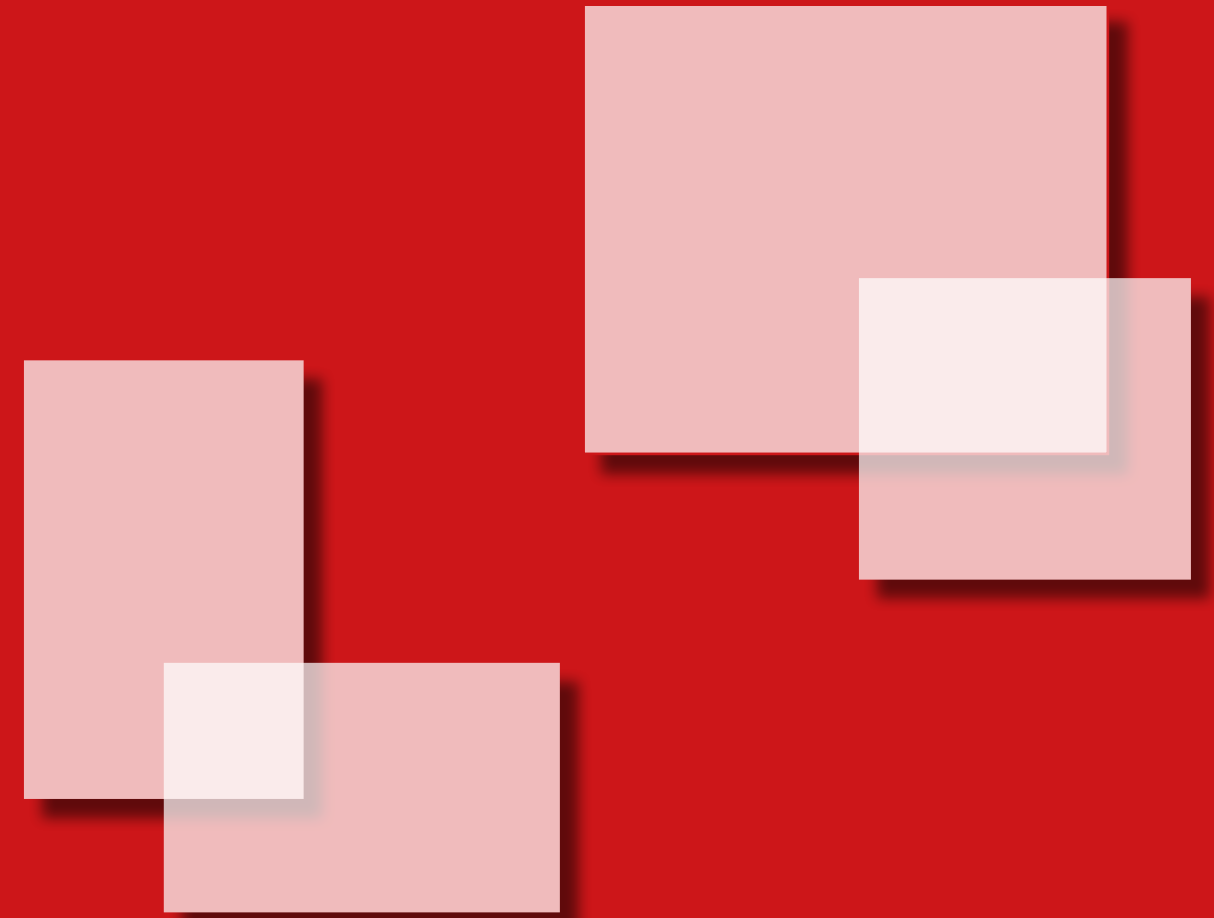
## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: Không có.



# CHƯƠNG VIII BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN





**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
**đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                     | <b>TRANG</b> |
|-------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC       | 02 – 03      |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP           | 04 – 05      |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN |              |
| Bảng cân đối kế toán                | 06 – 08      |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh      | 09           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ          | 10 – 11      |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính   | 12 – 52      |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán phụ tùng ô tô;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Thương mại than.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :**

### Hội đồng Quản trị

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Phạm Hoàng Sơn    | Chủ tịch   |
| Ông Nguyễn Việt Hùng  | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đình Sơn   | Thành viên |
| Ông Lương Xuân Hoàng  | Thành viên |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

|                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Việt Hùng  | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Quang Hào  | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Minh Tuấn    | Kế toán trưởng    |

### Ban Kiểm soát

|                      |            |                    |
|----------------------|------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Trung Hòa | Trưởng ban |                    |
| Ông Hoàng Văn Hòa    | Thành viên |                    |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Thành viên | Từ ngày 21/4/2025  |
| Bà Vũ Thị Mai Nhung  | Thành viên | Đến ngày 21/4/2025 |

**Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này**

|                      |               |
|----------------------|---------------|
| Ông Phạm Hoàng Sơn   | Chủ tịch      |
| Ông Nguyễn Việt Hùng | Tổng Giám đốc |

### Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
  
**Ông Nguyễn Việt Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026



Số : 22.05.1.2/25/BCTC/NVA.CNHN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 11 tháng 3 năm 2025.

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA**

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Hải Linh**

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 3407-2025-152-1

**Kiểm toán viên**



**Đỗ Thị Minh Duyên**

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 5664-2023-152-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                              | Mã số      | Thuyết minh | Cuối năm               | Đầu năm                |
|------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>775.180.694.485</b> | <b>549.126.282.887</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>         | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>31.713.845.250</b>  | <b>29.711.953.512</b>  |
| 1. Tiền                                              | 111        |             | 19.713.845.250         | 14.711.953.512         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                        | 112        |             | 12.000.000.000         | 15.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                 | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                            | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh          | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                   | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>              | <b>130</b> |             | <b>465.485.071.187</b> | <b>235.235.110.511</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                  | 131        | V.3         | 471.808.212.752        | 238.217.156.220        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                  | 132        | V.4         | 743.986.201            | 720.135.153            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                          | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hoạt động xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                      | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                            | 136        | V.5         | 6.123.376.887          | 5.921.919.771          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                | 137        | V.6         | (13.190.504.653)       | (9.624.100.633)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>270.360.302.626</b> | <b>250.315.400.799</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                      | 141        |             | 271.173.063.421        | 251.291.699.609        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                    | 149        |             | (812.760.795)          | (976.298.810)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                      | <b>150</b> |             | <b>7.621.475.422</b>   | <b>33.863.818.065</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                        | 151        | V.8         | 1.449.755.033          | 949.024.039            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                           | 152        |             | 512.452.621            | 1.952.962.417          |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước               | 153        | V.16        | 5.659.267.768          | 30.961.831.609         |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ        | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                             | 155        |             | -                      | -                      |

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                         | Mã số      | Thuyết minh | Cuối năm                 | Đầu năm                  |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>566.201.432.775</b>   | <b>659.813.031.320</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>2.013.000.000</b>     | <b>97.823.430.950</b>    |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5         | 2.013.000.000            | 97.823.430.950           |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>46.379.013.255</b>    | <b>48.295.006.758</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 31.095.616.333           | 31.792.162.129           |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 694.427.513.831          | 682.879.204.189          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (663.331.897.498)        | (651.087.042.060)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        | V.11        | 5.177.622.570            | 13.104.992.707           |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | 8.751.338.606            | 20.124.700.342           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | (3.573.716.036)          | (7.019.707.635)          |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 10.105.774.352           | 3.397.851.922            |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 10.335.112.352           | 3.615.723.022            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (229.338.000)            | (217.871.100)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> | <b>V.12</b> | <b>5.507.948.207</b>     | <b>2.065.608.864</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 5.507.948.207            | 2.065.608.864            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.2</b>  | <b>509.648.027.705</b>   | <b>508.505.488.913</b>   |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 505.000.000.000          | 505.000.000.000          |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | 8.444.062.358            | 8.444.062.358            |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | (3.796.034.653)          | (4.938.573.445)          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>2.653.443.608</b>     | <b>3.123.495.835</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8         | 2.653.443.608            | 3.123.495.835            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.341.382.127.260</b> | <b>1.208.939.314.207</b> |



Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Cuối năm                 | Đầu năm                  |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>300</b> |             | <b>774.011.203.102</b>   | <b>633.884.449.885</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>620.836.712.221</b>   | <b>482.034.437.507</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311        | V.14        | 92.039.014.182           | 148.253.168.523          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312        | V.15        | 10.073.444.486           | 42.545.325.913           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 313        | V.16        | 5.615.346.310            | 329.996.742              |
| 4. Phải trả người lao động                      | 314        |             | 19.504.446.148           | 22.004.103.842           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 315        | V.17        | 6.247.141.610            | 3.746.675.146            |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn            | 318        | V.19        | 20.833.331               | -                        |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                       | 319        | V.18        | 3.110.815.533            | 5.725.515.452            |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | V.13        | 470.997.604.774          | 255.679.533.163          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                  | 321        | V.20        | 446.256.207              | 659.085.638              |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 12.781.809.640           | 3.091.033.088            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                           | <b>330</b> |             | <b>153.174.490.881</b>   | <b>151.850.012.378</b>   |
| 7. Phải trả dài hạn khác                        | 337        | V.18        | 143.500.000.000          | 143.500.000.000          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn             | 338        | V.13        | 2.674.490.881            | 2.115.557.255            |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ        | 343        |             | 7.000.000.000            | 6.234.455.123            |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> | <b>V.21</b> | <b>567.370.924.158</b>   | <b>575.054.864.322</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> |             | <b>567.370.924.158</b>   | <b>575.054.864.322</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 280.657.650.000          | 280.657.650.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 280.657.650.000          | 280.657.650.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         |            |             | 3.605                    | 3.605                    |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | (23.970.000)             | (23.970.000)             |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        |            |             | 162.326.715.944          | 116.834.693.289          |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 124.410.524.609          | 177.586.487.428          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 99.791.186.421           | 25.946.411.910           |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 24.619.338.188           | 151.640.075.518          |
| <b>II. Nguồn kinh phí</b>                       | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>1.341.382.127.260</b> | <b>1.208.939.314.207</b> |

Người lập biểu

Lê Lan Phương

Kế toán trưởng

Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|---------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>01</b> | <b>VI.1</b> | <b>1.490.284.526.110</b> | <b>1.063.350.074.195</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | VI.2        | 34.488.525.017           | 35.570.201.845           |
| <b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> |             | <b>1.455.796.001.093</b> | <b>1.027.779.872.350</b> |
| <b>4. Giá vốn hàng bán</b>                              | <b>11</b> | <b>VI.3</b> | <b>1.311.902.895.980</b> | <b>881.653.342.717</b>   |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>143.893.105.113</b>   | <b>146.126.529.633</b>   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | VI.4        | 3.068.112.409            | 5.260.102.768            |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22        | VI.5        | 25.626.703.813           | 24.273.955.878           |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                               | 23        |             | 20.544.834.413           | 15.350.281.706           |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 25        | VI.8        | 30.612.760.815           | 35.471.024.400           |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | VI.9        | 66.062.213.340           | 63.611.727.491           |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>      | <b>30</b> |             | <b>24.659.539.554</b>    | <b>28.029.924.632</b>    |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31        | VI.6        | 7.695.990.154            | 306.883.950.654          |
| 12. Chi phí khác                                        | 32        | VI.7        | 29.471.239               | 144.249.052.353          |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                               | <b>40</b> |             | <b>7.666.518.915</b>     | <b>162.634.898.301</b>   |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>            | <b>50</b> |             | <b>32.326.058.469</b>    | <b>190.664.822.933</b>   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 51        | VI.11       | 7.706.720.281            | 39.024.747.415           |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         | 52        |             | -                        | -                        |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     | <b>60</b> |             | <b>24.619.338.188</b>    | <b>151.640.075.518</b>   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 70        | VI.12       | 877                      | 4.852                    |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                          | 71        | VI.12       | 877                      | 4.852                    |

Người lập biểu

Lê Lan Phương

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng

Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu                                                                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |       |             |                   |                   |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01    |             | 32.326.058.469    | 190.664.822.933   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |       |             |                   |                   |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02    |             | 9.666.216.696     | 10.307.684.973    |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03    |             | 2.047.497.782     | (971.635.676)     |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04    |             | (60.256.499)      | (844.774.784)     |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05    |             | (347.837.236)     | (163.071.526.358) |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06    |             | 20.544.834.413    | 15.350.281.706    |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      | 07    |             | 765.544.877       | -                 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08    |             | 64.942.058.502    | 51.434.852.794    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    |             | (114.600.677.106) | 44.754.164.592    |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10    |             | (19.881.363.812)  | (20.313.376.735)  |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | (91.983.615.465)  | (57.347.589.198)  |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12    |             | (30.678.767)      | 2.580.979.934     |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              | 13    |             | -                 | -                 |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14    |             | (20.398.402.413)  | (15.283.881.706)  |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    |             | -                 | (71.051.162.745)  |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16    |             | -                 | -                 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17    |             | (5.574.481.000)   | (3.533.221.000)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    | 20    |             | (187.527.160.061) | (68.759.234.064)  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |       |             |                   |                   |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                | 21    |             | (9.784.381.461)   | (3.655.358.089)   |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             | 22    |             | -                 | 300.799.569.173   |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23    |             | -                 | (10.500.000.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  | 24    |             | -                 | 10.500.000.000    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                       | 25    |             | -                 | -                 |
| 6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác                                                          | 26    |             | -                 | -                 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27    |             | 1.828.412.739     | 1.709.933.867     |
| Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư                                                           | 30    |             | (7.955.968.722)   | 298.854.144.951   |

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |       |             |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    |             | -                   | -                   |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                   | -                   |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33    |             | 1.291.829.067.924   | 794.678.938.610     |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34    |             | (1.074.679.908.111) | (1.008.504.687.792) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35    |             | (2.834.268.434)     | (2.825.736.660)     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36    |             | (16.829.128.997)    | (16.795.136.460)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    |             | 197.485.762.382     | (233.446.622.302)   |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50    |             | 2.002.633.599       | (3.351.711.415)     |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    |             | 29.711.953.512      | 33.058.394.306      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | (741.861)           | 5.270.621           |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                          | 70    | V.1         | 31.713.845.250      | 29.711.953.512      |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Lan Phương

Trần Minh Tuấn



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2025

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán phụ tùng ô tô;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Thương mại than.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong năm**

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 715 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 745 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các chi nhánh phụ thuộc như sau:

| Chi nhánh                                                       | Địa chỉ                                        |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình         | Đường Trần Thủ Độ, phường Thái Bình, Hưng Yên  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng | Quốc lộ 1A, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng |

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
  - + Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:
  - + Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
  - + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
- 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
- Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
- 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**
- a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- b. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác
- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.
- Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.
- c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc năm tài chính lập Báo cáo tài chính.
- Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.
- 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
- Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
- Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
  - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.
- 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:
- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
  - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.
- 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình**
- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
- | Loại tài sản                                             | Thời gian khấu hao (năm) |                |
|----------------------------------------------------------|--------------------------|----------------|
|                                                          | Năm nay                  | Năm trước      |
| Nhà cửa vật kiến trúc                                    | 03 – 22                  | 03 – 22        |
| Máy móc thiết bị                                         | 02 – 12                  | 02 – 12        |
| Phương tiện vận tải                                      | 03 – 10                  | 03 – 10        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý                                 | 03 – 06                  | 03 – 06        |
| Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn | 50                       | 50             |
| Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài     | Không khấu hao           | Không khấu hao |
- Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.
- 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính**
- Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.
- Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

##### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

##### 10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước;

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### 11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

##### 12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

##### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

##### 14. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

##### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

###### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

###### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

###### Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

###### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

###### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

###### Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

##### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

###### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái, ...

#### **19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

#### **20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

#### **21. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.



2. Các khoản đầu tư tài chính  
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                                        | Cuối năm                  |                 |                 |                | Đầu năm                   |                 |                 |                | Đơn vị tính: VND |
|--------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|-----------------|----------------|---------------------------|-----------------|-----------------|----------------|------------------|
|                                                        | % số<br>hữu/biểu<br>quyết | Giá gốc         | Dự phòng        | Giá trị hợp lý | % số<br>hữu/biểu<br>quyết | Giá gốc         | Dự phòng        | Giá trị hợp lý |                  |
| Đầu tư vào Công ty liên kết                            |                           | 505.000.000.000 | (2.959.590.804) |                |                           | 505.000.000.000 | (3.625.675.024) |                |                  |
| Công ty Cổ phần Sao Vàng –<br>Hoành Sơn <sup>(i)</sup> | 30,6%                     | 375.000.000.000 | (1.623.589.689) | (*)            | 30,6%                     | 375.000.000.000 | (1.623.589.689) | (*)            |                  |
| Công ty TNHH Sao Vàng –<br>Hoành Sơn <sup>(ii)</sup>   | 26,0%                     | 130.000.000.000 | (1.336.001.115) | (*)            | 26,0%                     | 130.000.000.000 | (2.002.085.335) | (*)            |                  |
| Đầu tư vào đơn vị khác                                 |                           | 8.444.062.358   | (836.443.849)   |                |                           | 8.444.062.358   | (1.312.898.421) |                |                  |
| Công ty Cổ phần Philips<br>Carbon Black Việt Nam       | 7,0%                      | 8.444.062.358   | (836.443.849)   | (*)            | 7,0%                      | 8.444.062.358   | (1.312.898.421) | (*)            |                  |
| Tổng                                                   |                           | 513.444.062.358 | (3.796.034.653) |                |                           | 513.444.062.358 | (4.938.573.445) |                |                  |

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

|                     | Năm nay<br>VND |
|---------------------|----------------|
| Số dư đầu năm       | 4.938.573.445  |
| Trích lập trong năm | 1.142.538.792  |
| Hoàn nhập trong năm |                |
| Số dư cuối năm      | 3.796.034.653  |

(\*) : Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i): Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11A/BH-HĐQT ngày 12/02/2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11B/NQ-HĐQT ngày 12/02/2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thì Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng vẫn tiếp tục duy trì/ nắm giữ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn. Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04-2025/BH-HĐQT ngày 21/4/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-DHĐCD ngày 21/4/2025 của Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn thì Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn sẽ triển khai các bước/thủ tục để thực hiện các dự án trong thời hạn 5 năm từ năm 2025 đến năm 2029, cụ thể như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                           | Cuối năm<br>VND | Đầu năm<br>VND |
|-------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Tiền mặt                                  | 736.881.743     | 1.144.061.226  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn           | 18.976.963.507  | 13.567.892.286 |
| Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup> | 12.000.000.000  | 15.000.000.000 |
| Cộng                                      | 31.713.845.250  | 29.711.953.512 |

(\*) : Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng, có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 4,2 - 4,5%/năm.



|                                                               | Cuối năm<br>VND        | Đầu năm<br>VND         |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                            |                        |                        |
| Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàng Sơn | -                      | 83.841.817.500         |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam         | 387.285.428.580        | 62.316.529.740         |
| Các đối tượng khác                                            | 84.522.784.172         | 92.058.808.980         |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>471.808.212.752</b> | <b>238.217.156.220</b> |

**b. Phải thu khách hàng là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

Công ty đã thế chấp 50% giá trị quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty để đảm bảo cho các khoản vay như đã trình bày ở thuyết minh số V.13.

|                                                                           | Cuối năm<br>VND    | Đầu năm<br>VND     |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                                           |                    |                    |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - Coninco | 378.000.000        | -                  |
| Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Môi trường Nhật Minh                      | 134.951.600        | 134.951.600        |
| Các đối tượng khác                                                        | 231.034.601        | 585.183.553        |
| <b>Cộng</b>                                                               | <b>743.986.201</b> | <b>720.135.153</b> |

|                                                 | Cuối năm<br>VND      | Đầu năm<br>VND        |
|-------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                              |                      |                       |
| Tạm ứng                                         | 1.650.000.000        | -                     |
| Ký quỹ, ký cược                                 | 307.938.135          | 610.060.278           |
| Phải thu khác                                   | 4.165.438.752        | 5.311.859.493         |
| - Lãi dự thu                                    | 25.511.868           | 1.506.087.371         |
| - Công ty Cổ phần Philips Black Carbon Việt Nam | 2.966.978.675        | 2.966.978.675         |
| - Các đối tượng khác                            | 1.172.948.209        | 838.793.447           |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>6.123.376.887</b> | <b>5.921.919.771</b>  |
| <b>b. Dài hạn</b>                               |                      |                       |
| Ký quỹ, ký cược                                 | 2.013.000.000        | 97.823.430.950        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>2.013.000.000</b> | <b>97.823.430.950</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đã triển khai xin cấp phép thực hiện dự án nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial tại tỉnh Hà Tĩnh nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi triển khai thực hiện dự án đề xin Nhà nước cấp phép;
  - Hợp tác với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn triển khai thực hiện dự án tại khu đất 2.698,8 m<sup>2</sup> có địa chỉ tại số 261 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng;
  - Hợp tác với Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật Điện nhân chuyển nhượng/sử dụng hợp pháp thửa đất có tổng diện tích 8.128,6 m<sup>2</sup>, bao gồm 7.353,5 m<sup>2</sup> đất ngoài chi giới và 775,1 m<sup>2</sup> đất nằm trong chi giới mở đường theo quy hoạch có địa chỉ tại số 64 đường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;
  - Mua lại Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 30 ha của Công ty TNHH Phonesack Việt Nam tại khu Công nghiệp phụ trợ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Ngoài ra, theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04-2025/BH-HĐQT ngày 21/4/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-DHĐCĐ ngày 21/4/2025 của Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn thì Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn đã thông qua chủ trương chia cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận năm 2025 bằng tiền: 5%/ giá trị vốn góp cho cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.
- (ii): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HDHTDT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27/5/2022 là 500.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 130.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu là 26%. Hiện tại, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn đang triển khai thực hiện dự án.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các công ty liên kết: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

|                                      | Cuối năm        |               | Đầu năm         |               | Đơn vị tính: VND |
|--------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|------------------|
|                                      | Giá gốc         | Dự phòng      | Giá gốc         | Dự phòng      |                  |
|                                      | VND             | VND           | VND             | VND           |                  |
| Hàng mua đang đi đường               | 5.653.351.682   | -             | 1.910.925.768   | -             | -                |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 115.719.893.707 | -             | 132.424.692.992 | -             | -                |
| Công cụ, dụng cụ                     | 2.041.593.825   | -             | 2.388.412.028   | -             | -                |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 9.525.566.916   | -             | 10.167.740.955  | -             | -                |
| Thành phẩm                           | 137.531.942.972 | (807.827.444) | 103.422.784.358 | (974.286.659) | -                |
| Hàng hóa                             | 195.010.909     | -             | 11.549.979      | -             | -                |
| Hàng gửi đi bán                      | 505.703.410     | (4.933.351)   | 965.593.529     | (2.012.151)   | -                |

Cộng 271.173.063.421 (812.760.795) 251.291.699.609 (976.298.810)

Công ty đã sử dụng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại Chi nhánh Thái Bình và 50% hàng tồn kho, bán thành phẩm, thành phẩm tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số V.13.

8. Chi phí trả trước

|                                                  | Cuối năm      |               | Đầu năm     |          |
|--------------------------------------------------|---------------|---------------|-------------|----------|
|                                                  | Giá gốc       | Dự phòng      | Giá gốc     | Dự phòng |
|                                                  | VND           | VND           | VND         | VND      |
| a. Ngắn hạn                                      |               |               |             |          |
| Bảo hiểm cháy nổ                                 | 410.861.840   | 271.208.684   | 422.554.370 |          |
| Chi phí thuê biển quảng cáo                      | 959.429.102   | 422.554.370   | 125.354.527 |          |
| Chi phí L/C                                      | -             | -             | 129.906.458 |          |
| Các chi phí khác                                 | 79.464.091    |               |             |          |
| Cộng                                             | 1.449.755.033 | 949.024.039   |             |          |
| b. Dài hạn                                       |               |               |             |          |
| Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 2.653.443.608 | 2.995.162.502 |             |          |
| Các chi phí khác                                 | -             | 128.333.333   |             |          |
| Cộng                                             | 2.653.443.608 | 3.123.495.835 |             |          |

25

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

|                                                   | Cuối năm       |                | Đầu năm        |                | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|------------------|
|                                                   | Giá gốc        | Dự phòng       | Giá gốc        | Dự phòng       |                  |
|                                                   | VND            | VND            | VND            | VND            |                  |
| Nghân hạn                                         |                |                |                |                |                  |
| Phải thu khách hàng                               | 23.535.639.661 | 10.223.525.978 | 13.312.113.683 | 8.639.416.958  | 1.982.295.000    |
| Công ty TNHH Phát triển và Vận tải Lào - Việt Nam | 17.977.092.210 | 5.393.127.663  | 12.583.964.547 | -              | -                |
| Công ty Cổ phần Dầu tư 981                        | 1.090.733.584  | 763.513.509    | 327.220.075    | 1.090.733.584  | -                |
| Công ty TNHH Nam Tiến                             | -              | -              | -              | 2.831.850.000  | 1.982.295.000    |
| Bà Nguyễn Thị Hương                               | 2.208.428.046  | 2.208.428.046  | -              | 2.208.428.046  | -                |
| Các đối tượng khác                                | 2.259.385.821  | 1.858.456.760  | 400.929.061    | 2.508.405.328  | -                |
| Phải thu khác                                     | 2.966.978.675  | 2.966.978.675  | -              | 2.966.978.675  | -                |
| Công ty Cổ phần Philips                           | 2.966.978.675  | 2.966.978.675  | -              | 2.966.978.675  | -                |
| Carbon Black Việt Nam                             | -              | -              | -              | -              | -                |
| Cộng                                              | 26.502.618.336 | 13.190.504.653 | 13.312.113.683 | 11.606.395.633 | 1.982.295.000    |



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phần tài sản nằm trên khu đất tại địa chỉ 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (tài sản phải thanh lý, phá bỏ và di dời lên số 484 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn từ cuối năm 2025 đến năm 2027) để trả lại mặt bằng khu đất phục vụ hợp tác thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (theo thuyết minh V.18)) có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là:

| Tại ngày 31/12/2025             | Nguyên giá      | Giá trị còn lại |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 81.353.903.373  | 2.663.803.400   |
| Máy móc, thiết bị               | 453.755.425.865 | 6.256.616.558   |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 47.733.786.485  | 9.750.592.194   |
| Thiết bị dụng cụ quản lý        | 786.447.907     | -               |
| Tổng Cộng                       | 583.629.563.630 | 18.671.012.152  |

27

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| Nguyên giá                               | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Dụng cụ Quản lý | Cộng            |
|------------------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                            | 116.343.220.590        | 511.132.266.210   | 54.617.269.482      | 786.447.907     | 682.879.204.189 |
| Số tăng trong năm                        | 714.132.863            | 11.690.062.736    | -                   | -               | 12.404.195.599  |
| - Mua trong năm                          | 714.132.863            | 299.103.000       | -                   | -               | 1.013.235.863   |
| - Mua lại tài sản thuê tài chính         | -                      | 11.390.959.736    | -                   | -               | 11.390.959.736  |
| Số giảm trong năm                        | (855.885.957)          | -                 | -                   | -               | (855.885.957)   |
| - Thanh lý, nhượng bán                   | (855.885.957)          | -                 | -                   | -               | (855.885.957)   |
| Số dư cuối năm                           | 116.201.467.496        | 522.822.328.946   | 54.617.269.482      | 786.447.907     | 694.427.513.831 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                   | 101.150.749.710        | 506.258.187.316   | 42.891.657.127      | 786.447.907     | 651.087.042.060 |
| Số dư trong năm                          | 1.778.319.082          | 9.533.136.677     | 1.789.285.636       | -               | 13.100.741.395  |
| - Khấu hao trong năm                     | 1.778.319.082          | 3.325.011.225     | 1.789.285.636       | -               | 6.892.615.943   |
| - Hao mòn mua lại tài sản thuê tài chính | -                      | 6.208.125.452     | -                   | -               | 6.208.125.452   |
| Số giảm trong năm                        | (855.885.957)          | -                 | -                   | -               | (855.885.957)   |
| - Thanh lý, nhượng bán                   | (855.885.957)          | -                 | -                   | -               | (855.885.957)   |
| Số dư cuối năm                           | 102.073.182.835        | 515.791.323.993   | 44.680.942.763      | 786.447.907     | 663.331.897.498 |
| Giá trị còn lại                          | 15.192.470.880         | 4.874.078.894     | 11.725.612.355      | -               | 31.792.162.129  |
| Tại ngày đầu năm                         | 14.128.284.661         | 7.031.004.953     | 9.936.326.719       | -               | 31.095.616.333  |

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng là 626.372.082.874 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 187.086.564.062 đồng và 254.219.342 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (xem thuyết minh V.13).



Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

|                               | Quyền sử dụng<br>đất lâu dài | Quyền sử dụng<br>đất có thời hạn | Cộng           |
|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------|----------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                              |                                  |                |
| Số dư đầu năm                 | 3.042.378.022 (*)            | 573.345.000                      | 3.615.723.022  |
| Số tăng trong năm             | 6.719.389.330                | -                                | 6.719.389.330  |
| - Mua trong năm (**)          | 6.719.389.330                | -                                | 6.719.389.330  |
| Số giảm trong năm             | -                            | -                                | -              |
| - Thanh lý, nhượng bán        | -                            | -                                | -              |
| Số dư cuối năm                | 9.761.767.352                | 573.345.000                      | 10.335.112.352 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                              |                                  |                |
| Số dư đầu năm                 | -                            | 217.871.100                      | 217.871.100    |
| Số tăng trong năm             | -                            | 11.466.900                       | 11.466.900     |
| - Khấu hao trong năm          | -                            | 11.466.900                       | 11.466.900     |
| Số giảm trong năm             | -                            | -                                | -              |
| - Thanh lý, nhượng bán        | -                            | -                                | -              |
| Số dư cuối năm                | -                            | 229.338.000                      | 229.338.000    |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                              |                                  |                |
| Tại ngày đầu năm              | 3.042.378.022                | 355.473.900                      | 3.397.851.922  |
| Tại ngày cuối năm             | 9.761.767.352                | 344.007.000                      | 10.105.774.352 |

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất ở Đà Nẵng để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.13).

(\*) Thông tin về đất như sau:

- Tờ bản đồ số KT03/3;
- Địa chỉ thửa đất: xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng);
- Diện tích: 2.475,0 m<sup>2</sup>;
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (xây dựng bãi xe và kho chứa hàng);
- Thời hạn sử dụng: lâu dài;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

(\*\*) Thông tin về đất như sau:

- Thửa đất số 173, Tờ bản đồ số 16-A-II-d;
- Địa chỉ thửa đất: tổ 4 cụm 1, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là tổ 4 cụm 1, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội);
- Diện tích: 45,5 m<sup>2</sup>;
- Loại đất: Đất ở đô thị.

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

|                                          | Máy móc,<br>thiết bị | Cộng             |
|------------------------------------------|----------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                      |                  |
| Số dư đầu năm                            | 20.124.700.342       | 20.124.700.342   |
| Số tăng trong năm                        | -                    | -                |
| - Thuê tài chính trong năm               | -                    | -                |
| Số giảm trong năm                        | (11.373.361.736)     | (11.373.361.736) |
| - Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (11.373.361.736)     | (11.373.361.736) |
| Số dư cuối năm                           | 8.751.338.606        | 8.751.338.606    |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>            |                      |                  |
| Số dư đầu năm                            | 7.019.707.635        | 7.019.707.635    |
| Số tăng trong năm                        | 2.762.133.853        | 2.762.133.853    |
| - Khấu hao trong năm                     | 2.762.133.853        | 2.762.133.853    |
| Số giảm trong năm                        | (6.208.125.452)      | (6.208.125.452)  |
| - Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (6.208.125.452)      | (6.208.125.452)  |
| Số dư cuối năm                           | 3.573.716.036        | 3.573.716.036    |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                      |                  |
| Tại ngày đầu năm                         | 13.104.992.707       | 13.104.992.707   |
| Tại ngày cuối năm                        | 5.177.622.570        | 5.177.622.570    |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phần tài sản trên khu đất tại địa chỉ 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (tài sản phải di dời lên số 484 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn từ cuối năm 2025 đến năm 2027) để trả lại mặt bằng khu đất phục vụ hợp tác thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàn Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (theo thuyết minh V.18)) có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 6.697.908.358 đồng và 3.667.619.750 đồng.

12. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                                          | Cuối năm<br>VND      | Đầu năm<br>VND       |
|----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Mua sắm                                                | 2.302.914.625        | -                    |
| - Xây dựng cơ bản                                        | 3.205.033.582        | 1.656.758.754        |
| Xây dựng nhà kho, mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa  | 2.845.553.026        | 1.656.758.754        |
| Dự án di dời nhà máy Cao su Sao vàng tại 231 Nguyễn Trãi | 359.480.556          | -                    |
| - Sửa chữa lớn                                           | -                    | 408.850.110          |
| <b>Cộng</b>                                              | <b>5.507.948.207</b> | <b>2.065.608.864</b> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VND là 6,8%/năm. USD là 5,2 - 5,3%/năm. Số dư vay ngoài tệ tại ngày 31/12/2025 là 2.285.657,08 USD. Các tài sản thế chấp đảm bảo của khoản vay bao gồm:

- 50% quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty;
  - Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng).
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 06/2025/HĐCVHM/NHCT260-SRC ngày 30/06/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm lốp cao su. Hạn mức là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 31/12/2025 VND là 6,8%/năm. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay bao gồm:

- Toàn bộ hàng tồn kho tại chi nhánh Thái Bình, bao gồm sẫm, lốp các loại, nguyên vật liệu chính, nhiên liệu, vật tư phụ và các loại hàng hóa khác với giá trị tồn tại mọi thời điểm là 15 tỷ đồng;
- Các máy móc thiết bị tài công ty và phân xưởng luyện được nêu trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 1206045/HĐTC ngày 15 tháng 11 năm 2006, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1206034/HĐTC ngày 01 tháng 6 năm 2006.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/135074/HĐTD ngày 31/07/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm cao su và hoạt động thương mại than. Hạn mức tối đa là 500 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/7/2026, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2025 vay VND là 6,3 - 7%/năm, vay USD là 4,4%/năm. Số dư vay ngoài tệ tại ngày 31/12/2025 là 297.450 USD. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay bao gồm:

- Tài sản gắn liền với đất của Công ty tại 261 Vũ Tông Phan, quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là 261 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, Hà Nội); tại số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh); tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 01/2012/TLĐC địa chỉ Phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên);
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vũng Áng tại Khu nhà ở xã hội Căn hộ chiến sỹ Bộ Công An, số 282 Nguyễn Huy Tương, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là số 282 Nguyễn Huy Tương, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội) theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
  - + Số AA 01714638, Số vào sổ cấp GCN: VP 10454 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
  - + Số AA 01714639, Số vào sổ cấp GCN: VP 10453 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
  - + Số AA 01714642, Số vào sổ cấp GCN: VP 10456 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
  - + Số AA 01714645, Số vào sổ cấp GCN: VP 10458 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;

31

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính : VND

|                                                                                        | Cuối năm        |                       | Phát sinh trong kỳ |                   | Đầu năm         |                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|--------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|
|                                                                                        | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ | Tăng               | Giảm              | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ |
|                                                                                        |                 |                       |                    |                   |                 |                       |
| <b>a. Vay ngắn hạn</b>                                                                 |                 |                       |                    |                   |                 |                       |
| Vay ngắn hạn                                                                           | 470.997.604.774 | 470.997.604.774       | 1.292.915.379.298  | 1.077.597.307.687 | 255.679.533.163 | 255.679.533.163       |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa <sup>(a)</sup>                 | 469.943.498.347 | 469.943.498.347       | 1.291.829.067.924  | 1.074.763.039.253 | 252.877.469.676 | 252.877.469.676       |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(b)</sup>                | 76.486.855.698  | 76.486.855.698        | 298.878.925.065    | 299.002.509.687   | 76.610.440.320  | 76.610.440.320        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(c)</sup>         | 13.526.929.759  | 13.526.929.759        | 96.543.520.630     | 121.122.545.423   | 38.105.954.552  | 38.105.954.552        |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(d)</sup>                                     | 331.089.712.890 | 331.089.712.890       | 847.566.622.229    | 654.637.984.143   | 138.161.074.804 | 138.161.074.804       |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                                                | 48.840.000.000  | 48.840.000.000        | 48.840.000.000     | -                 | -               | -                     |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust <sup>(e)</sup>                       | 1.054.106.427   | 1.054.106.427         | 1.086.311.374      | 2.834.268.434     | 2.802.063.487   | 2.802.063.487         |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam <sup>(f)</sup> | 366.264.419     | 366.264.419           | 224.060.886        | 2.301.069.946     | 2.443.273.479   | 2.443.273.479         |
| b. Vay dài hạn                                                                         | 687.842.008     | 687.842.008           | 862.250.488        | 533.198.488       | 358.790.008     | 358.790.008           |
| Nợ thuê tài chính                                                                      | 2.674.490.881   | 2.674.490.881         | 2.216.340.000      | 1.657.406.374     | 2.115.557.255   | 2.115.557.255         |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust <sup>(e)</sup>                       | 2.674.490.881   | 2.674.490.881         | 2.216.340.000      | 1.657.406.374     | 2.115.557.255   | 2.115.557.255         |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam <sup>(f)</sup> | -               | -                     | -                  | 224.060.886       | 224.060.886     | 224.060.886           |
|                                                                                        | 2.674.490.881   | 2.674.490.881         | 2.216.340.000      | 1.433.345.488     | 1.891.496.369   | 1.891.496.369         |
| Cộng                                                                                   | 473.672.095.655 | 473.672.095.655       | 1.295.131.719.298  | 1.079.254.714.061 | 257.795.090.418 | 257.795.090.418       |

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 360/2025/HĐCVHM/NHCT126-CAOSUSAOVANG ngày 27/6/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm lốp cao su. Hạn mức là 150 tỷ đồng, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 31/12/2025:



**Chi tiết thanh toán nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

| <b>Đối tượng</b>                                                        | <b>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</b>    |                          |                      |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|
|                                                                         | <b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b> | <b>Trả tiền lãi thuê</b> | <b>Trả nợ gốc</b>    |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust                       | 2.203.840.892                                    | 118.227.362              | 2.301.069.946        |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 759.656.352                                      | 226.457.864              | 533.198.488          |
| <b>Cộng</b>                                                             | <b>2.963.497.244</b>                             | <b>344.685.226</b>       | <b>2.834.268.434</b> |

33

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- + Số AA 01714760, Số vào sổ cấp GCN: VP 10459 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
- 50% hàng tồn kho, bán thành phẩm, thành phẩm dùng để sản xuất, trao đổi, mua bán, cho thuê trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh và hàng hóa trong kho tại địa chỉ số 231 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (nay là 231 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BCLC-12376-01 ngày 15/12/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sầm lổp, thương mại than. Hạn mức là 300 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2026 và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 31/12/2025 VND là 8,5%/năm. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay bao gồm:
  - Quyền tài sản liên quan đến việc đầu tư, xây dựng phát triển Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng có địa chỉ tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội);
  - Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành được Ngân hàng chấp thuận;
  - Bảo lãnh cá nhân của ông Phạm Hoàn Sơn (Ban Lãnh đạo).
- (e) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust theo các hợp đồng vay sau:
  - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000124/HDCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy ép suất f1250. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm;
  - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000125/HDCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là hệ thống nạp dầu tự động. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm;
  - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000126/HDCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là động cơ và tu xoay chiều biến tần. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm.
- (f) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng vay sau:
  - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.168/2023/TSC-CTTC ngày 25 tháng 12 năm 2023. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy nói đầu sầm xe máy. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 9,5%/năm;
  - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.039/2024/TSC-CTTC ngày 30 tháng 5 năm 2024. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy đo lưu hóa cao su Rometer. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 9,5%/năm.
  - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.024/2025/TSC-CTTC ngày 27 tháng 3 năm 2025. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy nói đầu sầm xe máy. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ và lãi suất vay là 9%/năm.



16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

|                                      | Đầu năm        |             | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Cuối năm |               |
|--------------------------------------|----------------|-------------|-----------------------|---------------------|----------|---------------|
|                                      | Phải thu       | Phải nộp    |                       |                     | Phải thu | Phải nộp      |
| Thuế giá trị gia tăng                | -              | 206.965.598 | 6.491.664.862         | 6.697.500.330       | -        | 1.130.130     |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | -              | -           | 16.675.033.042        | 16.675.033.042      | -        | -             |
| Thuế xuất nhập khẩu                  | -              | -           | 798.118.921           | 798.118.921         | -        | -             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp           | 30.961.831.609 | -           | 39.494.631.979        | 3.038.379.487       | -        | 5.494.420.883 |
| Thuế thu nhập cá nhân                | -              | 123.031.144 | 852.878.713           | 856.114.560         | -        | 119.795.297   |
| Thuế đất, tiền thuê đất (*)          | -              | -           | 8.529.447.641         | 14.188.715.409      | -        | -             |
| Các loại thuế khác                   | -              | -           | 25.488.003            | 25.488.003          | -        | -             |
| Phí, lệ phí và các khoản khác        | -              | -           | 5.440.156             | 5.440.156           | -        | -             |

Cộng

|                |             |                |                |               |               |
|----------------|-------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
| 30.961.831.609 | 329.996.742 | 72.872.703.317 | 42.284.789.908 | 5.659.267.768 | 5.615.346.310 |
|----------------|-------------|----------------|----------------|---------------|---------------|

(\*) Chi tiết số đã nộp tiền thuế đất trong năm gồm:

- Bù trừ thuế đất theo Quyết định số 163987/QĐ-HAN-KDT ngày 04 tháng 12 năm 2025: 13.231.671.471
- Nộp bằng tiền: 957.043.938

Cộng (VND)

14.188.715.409

35

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

|                                        | Cuối năm       |                       | Đầu năm         |                       |
|----------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
|                                        | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ |
| a. Ngắn hạn                            |                |                       |                 |                       |
| Công ty TNHH Ô tô SAIC Hongyan         | -              | -                     | 56.212.200.000  | 56.212.200.000        |
| Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh        | 16.746.115.050 | 16.746.115.050        | 10.877.456.100  | 10.877.456.100        |
| Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị      | 16.066.071.000 | 16.066.071.000        | 16.684.206.000  | 16.684.206.000        |
| Công ty TNHH Kim Trường Phúc           | 13.361.998.198 | 13.361.998.198        | 13.185.364.997  | 13.185.364.997        |
| Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội | 7.786.670.919  | 7.786.670.919         | 9.646.333.138   | 9.646.333.138         |
| Các đối tượng khác                     | 38.078.159.015 | 38.078.159.015        | 41.647.608.288  | 41.647.608.288        |
| Cộng                                   | 92.039.014.182 | 92.039.014.182        | 148.253.168.523 | 148.253.168.523       |

b. Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

15. Người mua trả tiền trước

|                                         | Cuối năm<br>VND | Đầu năm<br>VND |
|-----------------------------------------|-----------------|----------------|
| a. Ngắn hạn                             |                 |                |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn      | -               | 31.087.674.319 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư New Construction | 2.628.528.104   | 2.628.528.104  |
| Các đối tượng khác                      | 7.444.916.382   | 8.829.123.490  |
| Cộng                                    | 10.073.444.486  | 42.545.325.913 |

b. Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.



**17. Chi phí phải trả**

|                                                                                | <b>Cuối năm</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                |                        |                       |
| Nghĩa vụ tài chính liên quan đến trách nhiệm tái chế nộp Quỹ Bảo vệ môi trường | 4.188.720.609          | 2.155.063.590         |
| Chi phí tiền điện                                                              | 819.506.845            | 557.052.846           |
| Chi phí lãi vay                                                                | 491.032.000            | 344.600.000           |
| Các khoản khác                                                                 | 747.882.156            | 689.958.710           |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>6.247.141.610</b>   | <b>3.746.675.146</b>  |

**18. Phải trả khác**

|                                                            | <b>Cuối năm</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND  |
|------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                         |                        |                        |
| Kinh phí công đoàn                                         | 326.970.123            | 249.166.725            |
| Bảo hiểm xã hội                                            | -                      | 954.480                |
| Nhận ký quỹ, ký cược                                       | 505.726.000            | 3.389.497.355          |
| Cổ tức lợi nhuận phải trả                                  | 1.126.793.761          | 1.117.901.958          |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                          | 1.151.325.649          | 967.994.934            |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>3.110.815.533</b>   | <b>5.725.515.452</b>   |
| <b>b. Dài hạn</b>                                          |                        |                        |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                          | 143.500.000.000        | 143.500.000.000        |
| <i>Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư<sup>(*)</sup></i> | <i>143.500.000.000</i> | <i>143.500.000.000</i> |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>143.500.000.000</b> | <b>143.500.000.000</b> |

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội. Cũng theo hợp đồng này, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn sẽ chi trả và hỗ trợ Công ty các khoản kinh phí liên quan đến việc di dời nhà máy tại địa chỉ số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội và đầu tư vào nhà máy mới với tổng số tiền là 435 tỷ đồng. Đến 31/12/2025, Công ty đã nhận được khoản kinh phí đợt 1 và đợt 2 từ Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn với tổng số tiền là 143,5 tỷ đồng. Theo quyết định Hội đồng quản trị số DD-01/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2025 phê duyệt về việc “Di dời nhà máy Cao Su Sao Vàng” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Công ty sẽ di dời cơ sở sản xuất của Công ty từ 231 Nguyễn Trãi lên Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ, thời gian dự kiến từ năm 2025 đến năm 2027.

**c. Phải trả khác là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

|                      | <b>Cuối năm</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|----------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>      |                        |                       |
| Doanh thu nhận trước | 20.833.331             | -                     |
| <b>Cộng</b>          | <b>20.833.331</b>      | <b>-</b>              |

**20. Dự phòng phải trả**

|                                     | <b>Cuối năm</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                     |                        |                       |
| Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | 446.256.207            | 659.085.638           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>446.256.207</b>     | <b>659.085.638</b>    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                       | Cuối năm<br>VND        | %          | Đầu năm<br>VND         | %          |
|---------------------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn<br>Hoành Sơn | 140.932.900.000        | 50,22      | 140.932.900.000        | 50,22      |
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam            | 101.041.150.000        | 36,00      | 101.041.150.000        | 36,00      |
| Các cổ đông khác                      | 38.659.630.000         | 13,77      | 38.659.630.000         | 13,77      |
| Cổ phiếu quỹ                          | 23.970.000             | 0,01       | 23.970.000             | 0,01       |
| <b>Cộng</b>                           | <b>280.657.650.000</b> | <b>100</b> | <b>280.657.650.000</b> | <b>100</b> |

|                                                            | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu                                     |                 |                  |
| Vốn góp đầu năm                                            | 280.657.650.000 | 280.657.650.000  |
| Vốn góp tăng trong năm                                     | -               | -                |
| Vốn góp giảm trong năm                                     | -               | -                |
| Vốn góp cuối năm                                           | 280.657.650.000 | 280.657.650.000  |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia                                  | 16.838.020.800  | 16.838.020.800   |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>   | 16.838.020.800  | 16.838.020.800   |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i> | -               | -                |

|                                                          | Cuối năm   | Đầu năm    |
|----------------------------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                      | 28.065.765 | 28.065.765 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng                   | 28.065.765 | 28.065.765 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                              | 28.065.765 | 28.065.765 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                           | 2.397      | 2.397      |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                              | 2.397      | 2.397      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                          | 28.063.368 | 28.063.368 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                              | 28.063.368 | 28.063.368 |
| - Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu. |            |            |

|                       | Cuối năm               | Đầu năm                |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 162.326.715.944        | 116.834.693.289        |
| <b>Cộng</b>           | <b>162.326.715.944</b> | <b>116.834.693.289</b> |

|                   | Cuối năm  | Đầu năm   |
|-------------------|-----------|-----------|
| Ngoại tệ các loại |           |           |
| - USD             | 15.457,32 | 49.195,62 |
| - RUB             | 9.821,11  | 6.398,11  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|                                                      | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ        | Quỹ đầu tư phát<br>triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng              |
|------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b>                           | <b>280.657.650.000</b>    | <b>3.605</b>            | <b>(23.970.000)</b> | <b>108.014.502.579</b>   | <b>54.701.336.990</b>                | <b>443.349.523.174</b> |
| Tăng vốn trong năm trước                             | -                         | -                       | -                   | -                        | -                                    | -                      |
| Lãi trong năm trước                                  | -                         | -                       | -                   | -                        | 151.640.075.518                      | 151.640.075.518        |
| Phân phối lợi nhuận trong năm trước                  | -                         | -                       | -                   | 8.820.190.710            | (28.754.925.080)                     | (19.934.734.370)       |
| - <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>                 | -                         | -                       | -                   | 8.820.190.710            | (8.820.190.710)                      | -                      |
| - <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>             | -                         | -                       | -                   | -                        | (2.940.063.570)                      | (2.940.063.570)        |
| - <i>Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành</i> | -                         | -                       | -                   | -                        | (156.650.000)                        | (156.650.000)          |
| - <i>Chia cổ tức</i>                                 | -                         | -                       | -                   | -                        | (16.838.020.800)                     | (16.838.020.800)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b>                           | <b>280.657.650.000</b>    | <b>3.605</b>            | <b>(23.970.000)</b> | <b>116.834.693.289</b>   | <b>177.586.487.428</b>               | <b>575.054.864.322</b> |
| Tăng vốn trong năm nay                               | -                         | -                       | -                   | -                        | -                                    | -                      |
| Lãi trong năm nay                                    | -                         | -                       | -                   | -                        | 24.619.338.188                       | 24.619.338.188         |
| Phân phối lợi nhuận năm nay (*)                      | -                         | -                       | -                   | -                        | (77.795.301.007)                     | (32.303.278.352)       |
| - <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>                 | -                         | -                       | -                   | 45.492.022.655           | (45.492.022.655)                     | -                      |
| - <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>             | -                         | -                       | -                   | -                        | (15.164.007.552)                     | (15.164.007.552)       |
| - <i>Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành</i> | -                         | -                       | -                   | -                        | (301.250.000)                        | (301.250.000)          |
| - <i>Chia cổ tức</i>                                 | -                         | -                       | -                   | -                        | (16.838.020.800)                     | (16.838.020.800)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b>                           | <b>280.657.650.000</b>    | <b>3.605</b>            | <b>(23.970.000)</b> | <b>162.326.715.944</b>   | <b>124.410.524.609</b>               | <b>567.370.924.158</b> |

(\*) Phân phối lợi nhuận năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-DHDCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                            | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa     | 673.913.352.646          | 192.445.447.986          |
| Doanh thu bán thành phẩm   | 801.498.426.204          | 852.114.555.887          |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 12.337.683.099           | 17.423.601.197           |
| Doanh thu bán vật tư       | 2.241.321.730            | 1.096.002.300            |
| Doanh thu khác             | 293.742.431              | 270.466.825              |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.490.284.526.110</b> | <b>1.063.350.074.195</b> |

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 34.293.330.620        | 35.570.201.845        |
| Hàng bán bị trả lại   | 195.194.397           | -                     |
| <b>Cộng</b>           | <b>34.488.525.017</b> | <b>35.570.201.845</b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                     | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND       |
|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa đã bán             | 644.533.797.522          | 189.162.073.354        |
| Giá vốn thành phẩm đã bán           | 665.730.166.915          | 693.140.221.373        |
| Giá vốn của vật tư đã bán           | 1.802.469.558            | 823.198.460            |
| Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán | (163.538.015)            | (1.472.150.470)        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.311.902.895.980</b> | <b>881.653.342.717</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                       | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi          | 347.837.236          | 2.981.238.755        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 2.720.275.173        | 2.278.864.013        |
| <b>Cộng</b>           | <b>3.068.112.409</b> | <b>5.260.102.768</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                                                                                     | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay                                                                        | 20.544.834.413        | 15.350.281.706        |
| Chiết khấu thanh toán                                                               | 5.002.329.000         | 5.499.065.970         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                                                                | 1.222.079.192         | 1.395.521.030         |
| Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác | (1.142.538.792)       | 2.029.087.172         |
| <b>Cộng</b>                                                                         | <b>25.626.703.813</b> | <b>24.273.955.878</b> |

**6. Thu nhập khác**

|                                                                                                       | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam | -                    | 303.837.948.660        |
| Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ năm 2020                                                             | 6.234.455.123        | -                      |
| Các khoản khác                                                                                        | 1.461.535.031        | 3.046.001.994          |
| <b>Cộng</b>                                                                                           | <b>7.695.990.154</b> | <b>306.883.950.654</b> |

**7. Chi phí khác**

|                                                                                              | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|
| Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam | -                 | 143.747.661.057        |
| Các khoản khác                                                                               | 29.471.239        | 501.391.296            |
| <b>Cộng</b>                                                                                  | <b>29.471.239</b> | <b>144.249.052.353</b> |



**8. Chi phí bán hàng**

|                                  | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên                | 6.594.549.259         | 5.448.767.398         |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 14.620.341            | -                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.466.900            | 11.466.900            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 18.907.327.032        | 23.244.670.407        |
| Chi phí quảng cáo                | 1.392.549.096         | 1.686.826.325         |
| Chi phí bảo hành sản phẩm        | 1.881.815.407         | 3.129.885.295         |
| Chi phí khác                     | 1.810.432.780         | 1.949.408.075         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>30.612.760.815</b> | <b>35.471.024.400</b> |

**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                             | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                   | 24.401.048.815        | 25.601.016.691        |
| Chi phí vật liệu quản lý                    | 1.256.946.614         | -                     |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                   | 350.259.977           | -                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định            | 2.446.558.093         | 2.148.035.502         |
| Tiền thuê đất, thuê đất                     | 8.529.447.641         | 14.269.158.214        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 10.231.227.782        | 9.732.027.594         |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 15.280.320.398        | 13.278.076.698        |
| Chi phí dự phòng                            | 3.566.404.020         | (1.416.587.208)       |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>66.062.213.340</b> | <b>63.611.727.491</b> |

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 563.307.275.866        | 558.898.262.454        |
| Chi phí nhân công                | 109.709.337.747        | 112.230.123.063        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.666.216.696          | 10.307.684.973         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 60.724.154.046         | 66.152.249.557         |
| Chi phí khác                     | 50.454.146.140         | 44.839.568.183         |
| Chi phí dự phòng                 | 3.190.036.574          | (3.000.722.848)        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>797.051.167.069</b> | <b>789.427.165.382</b> |

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

|                                                                                     | Năm nay<br>VND       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                   | 32.326.058.469       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                         | 6.207.542.934        |
| + <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản tiền và phải thu</i>      | 4.012.675.976        |
| + <i>Thu lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách</i>              | 126.000.000          |
| + <i>Chi phí không được trừ</i>                                                     | 2.068.866.958        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                         | -                    |
| Tổng lợi nhuận tính thuế                                                            | 38.533.601.403       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                | 20%                  |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                      | <b>7.706.720.281</b> |

**12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|                                                                       | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế                                            | 24.619.338.188 | 151.640.075.518  |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán                    | -              | -                |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông                                 | 24.619.338.188 | 151.640.075.518  |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành (*) | -              | 15.465.257.552   |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm                       | 28.063.368     | 28.063.368       |
| Lãi trên cổ phiếu                                                     |                |                  |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                            | 877            | 4.852            |
| - Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                          | 877            | 4.852            |

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin



VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Đến 06/3/2026, Công ty đang tiếp tục thực hiện thanh lý, phá bỏ và di dời phần tài sản nằm trên khu đất tại địa chỉ 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội lên Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ (theo thuyết minh V.9 và thuyết minh V.11) để trả lại mặt bằng cho Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn (Công ty được thành lập để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoành Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội), thời gian dự kiến thực hiện từ cuối năm 2025 đến năm 2027.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan

| Các bên liên quan                                             | Mối quan hệ                                      |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn                            | Công ty mẹ                                       |
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam                                    | Cổ đông lớn                                      |
| Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn                          | Công ty liên kết                                 |
| Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn                             | Công ty liên kết                                 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh | Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội                           | Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoành Sơn | Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hoành Sơn                | Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng       | Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị |

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan                                             | Nội dung nghiệp vụ           | Giá trị giao dịch VND |                 |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------|
|                                                               |                              | Năm nay               | Năm trước       |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn                            | Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 198.101.328.073       | 24.507.442.849  |
|                                                               | Chia cổ tức                  | 8.455.974.000         | 8.455.974.000   |
|                                                               | Trả cổ tức                   | 8.455.974.000         | 8.455.974.000   |
|                                                               | Trả gốc vay                  | -                     | 130.000.000.000 |
|                                                               | Bù trừ công nợ               | -                     | 7.000.000.000   |
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam                                    | Chia cổ tức                  | 6.062.469.000         | 6.062.469.000   |
|                                                               | Trả cổ tức                   | 6.062.469.000         | 6.062.469.000   |
| Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoành Sơn | Bán hàng hóa                 | -                     | 82.059.075.000  |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng       | Mua hàng hóa                 | -                     | 52.159.091      |
| Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn                             | Mua hàng hóa, dịch vụ        | 1.432.274.400         | 1.117.660.275   |

| Các bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch VND |           |
|-------------------|--------------------|-----------------------|-----------|
|                   |                    | Năm nay               | Năm trước |

|                                                               |                       |             |               |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoành Sơn                | Mua hàng hóa, dịch vụ | -           | 1.872.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh | Mua hàng hóa, dịch vụ | 960.000.000 | 660.000.000   |

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan                                             | Cuối năm VND           | Đầu năm VND            |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng (TM V.3)</b>                           | <b>456.582.050</b>     | <b>83.852.817.500</b>  |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn                            | 445.582.050            | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoành Sơn | -                      | 83.841.817.500         |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội                           | 11.000.000             | 11.000.000             |
| <b>Phải trả người bán (TM V.14)</b>                           | <b>2.753.929.449</b>   | <b>1.207.073.097</b>   |
| Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn                             | 2.753.929.449          | 1.207.073.097          |
| <b>Người mua trả trước (TM V.15)</b>                          | <b>-</b>               | <b>31.087.674.319</b>  |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn                            | -                      | 31.087.674.319         |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác (TM V.18)</b>                       | <b>1.126.793.761</b>   | <b>1.117.901.958</b>   |
| Cổ đông khác                                                  | 1.126.793.761          | 1.117.901.958          |
| <b>Phải trả dài hạn khác (TM V.18)</b>                        | <b>143.500.000.000</b> | <b>143.500.000.000</b> |
| Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn                             | 143.500.000.000        | 143.500.000.000        |

Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm:

| Họ tên                                              | Chức danh                                             | Năm nay VND        | Năm trước VND      |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc</b> |                                                       |                    |                    |
| Ông Phạm Hoành Sơn                                  | Chủ tịch HĐQT                                         | 60.000.000         | 60.000.000         |
| Ông Nguyễn Việt Hùng                                | Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT                        | 48.000.000         | 48.000.000         |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng                               | Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT                    | 48.000.000         | 48.000.000         |
| Ông Nguyễn Đình Sơn                                 | Thành viên HĐQT                                       | 48.000.000         | 48.000.000         |
| Ông Lương Xuân Hoàng                                | Thành viên HĐQT                                       | 48.000.000         | 48.000.000         |
| Ông Nguyễn Trung Hòa                                | Trưởng BKS                                            | 48.000.000         | 48.000.000         |
| Ông Hoàng Văn Hòa                                   | Thành viên BKS                                        | 30.000.000         | 30.000.000         |
| Ông Nguyễn Quang Huy                                | Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2025)   | 20.000.000         | -                  |
| Bà Vũ Thị Mai Nhung                                 | Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2025) | 10.000.000         | 30.000.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                                    |                                                       | <b>360.000.000</b> | <b>360.000.000</b> |



| Đơn vị tính: VND                                                             |                        |                        |                       |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                                                              | Sản xuất               | Thương mại             | Lĩnh vực khác         |
| Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025                                                 |                        |                        |                       |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài                                     | 769.251.222.917        | 673.913.352.646        | 12.631.425.530        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác                             | -                      | -                      | -                     |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                  | <b>769.251.222.917</b> | <b>673.913.352.646</b> | <b>12.631.425.530</b> |
| Chi phí bộ phận                                                              | 671.410.934.516        | 640.491.961.464        | -                     |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                              | 97.840.288.401         | 33.421.391.182         | 12.631.425.530        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                       |                        |                        |                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                            |                        |                        | 1.311.902.895.980     |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                |                        |                        | 143.893.105.113       |
| Chi phí tài chính                                                            |                        |                        | 96.674.974.155        |
| Thu nhập khác                                                                |                        |                        | 47.218.130.958        |
| Chi phí khác                                                                 |                        |                        | 3.068.112.409         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                 |                        |                        | 25.626.703.813        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                  |                        |                        | 7.695.990.154         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                              |                        |                        | <b>29.471.239</b>     |
|                                                                              |                        |                        | <b>7.706.720.281</b>  |
|                                                                              |                        |                        | <b>24.619.338.188</b> |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 9.385.072.646          | -                      | -                     |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>            | <b>12.315.890.707</b>  | <b>-</b>               | <b>-</b>              |
|                                                                              |                        |                        | <b>12.315.890.707</b> |

| Họ tên                                                             | Chức danh                | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát</b> |                          |                      |                      |
| Ông Nguyễn Việt Hùng                                               | Tổng Giám đốc            | 631.039.400          | 640.921.200          |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng                                              | Phó Tổng Giám đốc        | 522.585.400          | 534.461.200          |
| Ông Nguyễn Quang Hào                                               | Phó Tổng Giám đốc        | 480.255.000          | 494.500.000          |
| Ông Trần Minh Tuấn                                                 | Kế toán trưởng           | 475.315.000          | 479.780.000          |
| Ông Nguyễn Trung Hòa                                               | Trưởng Ban kiểm soát     | 384.572.860          | 321.839.315          |
| Ông Hoàng Văn Hòa                                                  | Thành viên Ban kiểm soát | 274.152.977          | 275.057.009          |
| <b>Tổng cộng</b>                                                   |                          | <b>2.767.920.637</b> | <b>2.746.558.724</b> |

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



| Đơn vị tính: VND                |  |                 |                 |                   |
|---------------------------------|--|-----------------|-----------------|-------------------|
| Sản xuất                        |  | Thương mại      | Lĩnh vực khác   | Cộng              |
| Số dư đầu năm                   |  |                 |                 |                   |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận |  | 314.370.249.114 | 166.406.634.935 | 1.818.686.165     |
| - Tài sản không phân bổ         |  |                 |                 | 482.595.570.214   |
| Tổng tài sản                    |  | 314.370.249.114 | 166.406.634.935 | 1.818.686.165     |
| - Nợ phải trả bộ phận           |  |                 |                 | 1.208.939.314.207 |
| - Nợ phải trả không phân bổ     |  | 97.478.225.643  | 93.307.270.217  | 12.998.576        |
| Tổng nợ phải trả                |  | 97.478.225.643  | 93.307.270.217  | 12.998.576        |
|                                 |  |                 |                 | 633.884.449.885   |

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

|                                                                          | Trong lãnh thổ<br>Việt Nam | Ngoài lãnh thổ<br>Việt Nam | Cộng              |
|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|-------------------|
| Từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025                                        |                            |                            |                   |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài                                 | 1.354.170.310.044          | 101.625.691.049            | 1.455.796.001.093 |
| Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận                                 |                            |                            | 1.341.382.127.260 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác |                            |                            | 9.385.072.646     |
| Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024                                        |                            |                            |                   |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài                                 | 810.889.406.366            | 216.890.465.984            | 1.027.779.872.350 |
| Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận                                 |                            |                            | 1.208.939.314.207 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác |                            |                            | 3.529.569.865     |

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| Giá trị sổ sách                      |  |                 |                  |                 |
|--------------------------------------|--|-----------------|------------------|-----------------|
| Cuối năm                             |  | Đầu năm         |                  |                 |
| Giá trị sổ sách                      |  | Dự phòng        | Giá trị sổ sách  | Dự phòng        |
| Tài sản tài chính                    |  |                 |                  |                 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   |  | 31.713.845.250  | -                | 29.711.953.512  |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác |  | 479.944.589.639 | (13.190.504.653) | 341.962.506.941 |
| Đầu tư tài chính dài hạn             |  | -               | -                | -               |
| Cộng                                 |  | 511.658.434.889 | (13.190.504.653) | 371.674.460.453 |
|                                      |  | 49              |                  | (9.624.100.633) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG  
Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Đơn vị tính: VND                                     |  |                 |                 |                   |
|------------------------------------------------------|--|-----------------|-----------------|-------------------|
| Sản xuất                                             |  | Thương mại      | Lĩnh vực khác   | Cộng              |
| Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024                         |  |                 |                 |                   |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài             |  | 817.640.356.342 | 192.445.447.986 | 17.694.068.022    |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác     |  | -               | -               | 1.027.779.872.350 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |  | 817.640.356.342 | 192.445.447.986 | 17.694.068.022    |
| Chi phí bộ phận                                      |  |                 |                 | 1.027.779.872.350 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                      |  | 698.265.955.817 | 183.387.386.900 | -                 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận               |  | 119.374.400.525 | 9.058.061.086   | 17.694.068.022    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                    |  |                 |                 | 881.653.342.717   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        |  |                 |                 | 146.126.529.633   |
| Chi phí tài chính                                    |  |                 |                 | 99.082.751.891    |
| Thu nhập khác                                        |  |                 |                 | 47.043.777.742    |
| Chi phí khác                                         |  |                 |                 | 5.260.102.768     |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành         |  |                 |                 | 24.273.955.878    |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại          |  |                 |                 | 306.883.950.654   |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp             |  |                 |                 | 144.249.052.353   |
|                                                      |  |                 |                 | 39.024.747.415    |
|                                                      |  |                 |                 | 151.640.075.518   |

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác  
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

| Đơn vị tính: VND                |  |                 |                 |                   |
|---------------------------------|--|-----------------|-----------------|-------------------|
| Sản xuất                        |  | Thương mại      | Lĩnh vực khác   | Cộng              |
| Số dư cuối năm                  |  |                 |                 |                   |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận |  | 323.207.078.583 | 405.733.352.105 | 3.748.544.913     |
| - Tài sản không phân bổ         |  |                 |                 | 732.688.975.601   |
| Tổng tài sản                    |  | 323.207.078.583 | 405.733.352.105 | 3.748.544.913     |
| - Nợ phải trả bộ phận           |  |                 |                 | 1.341.382.127.260 |
| - Nợ phải trả không phân bổ     |  | 98.699.839.244  | 3.399.619.898   | 12.999.526        |
| Tổng nợ phải trả                |  | 98.699.839.244  | 3.399.619.898   | 12.999.526        |
|                                 |  |                 |                 | 774.011.203.102   |



Đơn vị tính: VND

|                              | Giá trị sổ sách        |                        |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
|                              | Cuối năm               | Đầu năm                |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b> |                        |                        |
| Phải trả cho người bán       | 92.039.014.182         | 148.253.168.523        |
| Vay và nợ                    | 473.672.095.655        | 257.795.090.418        |
| Chi phí phải trả             | 6.247.141.610          | 3.746.675.146          |
| Các khoản phải trả khác      | 146.610.815.533        | 149.225.515.452        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>718.569.066.980</b> | <b>559.020.449.539</b> |

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng. Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

|                         | Từ 01 năm<br>trở xuống | Từ 01 năm<br>đến 05 năm | Cộng                   |
|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Cuối năm</b>         | <b>572.394.576.099</b> | <b>146.174.490.881</b>  | <b>718.569.066.980</b> |
| Phải trả cho người bán  | 92.039.014.182         | -                       | 92.039.014.182         |
| Vay và nợ               | 470.997.604.774        | 2.674.490.881           | 473.672.095.655        |
| Chi phí phải trả        | 6.247.141.610          | -                       | 6.247.141.610          |
| Các khoản phải trả khác | 3.110.815.533          | 143.500.000.000         | 146.610.815.533        |
| <b>Đầu năm</b>          | <b>413.404.892.284</b> | <b>145.615.557.255</b>  | <b>559.020.449.539</b> |
| Phải trả cho người bán  | 148.253.168.523        | -                       | 148.253.168.523        |
| Vay và nợ               | 255.679.533.163        | 2.115.557.255           | 257.795.090.418        |
| Chi phí phải trả        | 3.746.675.146          | -                       | 3.746.675.146          |
| Các khoản phải trả khác | 5.725.515.452          | 143.500.000.000         | 149.225.515.452        |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

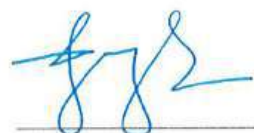
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**9. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

**Người lập biểu**



**Lê Lan Phương**

**Kế toán trưởng**



**Trần Minh Tuấn**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Việt Hùng**

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**  
**SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY**